

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRỊNH NGÂN HÀ

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN
QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRỊNH NGÂN HÀ

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN
QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã ngành: 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS. TS. TRẦN ĐÌNH HẢO

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng các nội dung được trình bày trong Luận văn “***Pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn quận Gò Vấp thành phố Hồ Chí Minh***” là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Trần Đình Hảo. Mọi số liệu dẫn chứng thể hiện trong Luận văn là trung thực và được chú thích nguồn đầy đủ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2017

Người cam đoan

Trịnh Ngân Hà

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và hoàn thành Luận văn này, tôi nhận được rất nhiều sự giúp đỡ của quý thầy cô và các bạn lớp Cao học Luật K6.1. Thông qua bài viết này, cho phép tôi được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám đốc Học viện, quý thầy cô đã nhiệt tình giảng dạy, truyền đạt nhiều kiến thức bổ ích cho tôi trong suốt quá trình học tập.

Đặc biệt, xin trân trọng cảm ơn PGS.TS Trần Đình Hảo, giáo viên hướng dẫn nghiên cứu khoa học, người đã nhiệt tình hướng dẫn, định hướng cho tôi trong suốt quá trình hoàn thành Luận văn.

Xin kính chúc ban Giám đốc Học viện khoa học xã hội, quý thầy cô, cùng toàn thể các bạn lớp Cao học Luật khóa 1 năm 2015 và Thầy Trần Đình Hảo luôn mạnh khỏe và thành công./.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, HỘ KINH DOANH VÀ PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH.....	06
1.1 Những vấn đề cơ bản về thuế giá trị gia tăng và hộ kinh doanh.....	06
1.1.1 Khái niệm về thuế giá trị gia tăng.....	06
1.1.2 Đặc điểm về thuế giá trị gia tăng.....	07
1.1.3 Vai trò thuế giá trị gia tăng.....	09
1.1.4 Những vấn đề cơ bản về hộ kinh doanh.....	10
1.2 Nội dung của Luật thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.....	15
1.2.1 Đối tượng nộp thuế.....	16
1.2.2 Đối tượng chịu thuế.....	17
1.2.3 Căn cứ tính thuế.....	17
1.2.4 Cách tính thuế.....	18
1.2.5 Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế.....	22
Chương 2: THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	26
2.1 Thực trạng quy định pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.....	26
2.1.1 Cơ sở pháp lý của thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.....	26
2.1.2 Cơ sở pháp lý về quản lý thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.....	32
2.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng của hộ kinh doanh từ thực tiễn Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.....	36
2.2.1 Những nhân tố mang tính địa phương của quận Gò Vấp ảnh hưởng đến việc thực hiện pháp luật về thuế.....	36
2.2.2 Thực trạng thực hiện pháp luật về thuế đối với hộ kinh doanh tại quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.....	42

Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP GIÚP VIỆC ĐẢM BẢO THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....	67
3.1. Phương hướng giúp việc đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.....	67
3.2. Giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng và nâng cao hiệu quả quản lý thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh.....	74
3.2.1 Về tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ, phổ biến giáo dục đối với hộ kinh doanh	74
3.2.2 Về hoàn thiện cơ chế, chính sách thuế.....	75
3.2.3 Về công tác cán bộ.....	76
3.2.4 Về công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành.....	76
3.2.5 Điện tử hóa việc nộp thuế và hiện đại công tác quản lý thuế bằng tin học.....	77
KẾT LUẬN.....	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DN	: Doanh nghiệp
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
GTGT	: Giá trị gia tăng
HKD	: Hộ kinh doanh
NSNN	: Ngân sách nhà nước
MST	: Mã số thuế
QLNN	: Quản lý nhà nước
TNCN	: Thu nhập cá nhân
UBND	: Ủy ban nhân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế luôn đóng một vai trò hết sức quan trọng và chiếm phần lớn trong tổng thu ngân sách Nhà nước. Việc thực thi một số chính sách thuế có hiệu quả sẽ đảm bảo ổn định cho nguồn thu này và trong cấu trúc các khoản thu về thuế thì thuế GTGT đóng một vai trò quan trọng. Do vậy, khi nền kinh tế của mỗi nước chuyển sang một giai đoạn mới với những chủ trương, chính sách định hướng sự phát triển kinh tế thay đổi thì chính sách thuế của quốc gia cũng phải được cải cách cho thích hợp. Cuộc cải cách thuế nước ta từ năm 1990 đến nay được xem là một cuộc cải cách thuế toàn diện, sâu sắc. Qua giai đoạn một của cuộc cải cách (1990 – 1995), hệ thống thuế nước ta đã đạt được một số thành tựu quan trọng như: thống nhất hệ thống thuế áp dụng cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế trong cả nước; tạo môi trường pháp lý bình đẳng, tăng thu ngân sách nhà nước, góp phần đẩy lùi lạm phát, ổn định giá cả; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên nhìn chung vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau: hạn chế về tính bao quát khi có nhiều ngành, nghề, nhiều loại hình kinh doanh xuất hiện; hạn chế trong khuyến khích đầu tư; hạn chế trong việc đáp ứng yêu cầu hợp tác kinh tế với các nước khu vực và thế giới; hạn chế về tính đơn giản rõ ràng, chặt chẽ... Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) đã được Quốc hội khoá IX thông qua ngày 10/05/1997 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/1999 thay cho Luật thuế doanh thu. Việc thay thế này đánh dấu một thành công lớn trong tiến trình cải cách thuế giai đoạn hai ở nước ta và cũng là một bước trong quá trình hội nhập để sánh kịp các nước trong khu vực và trên thế giới. Đây là sự kiện lớn trong đời sống kinh tế của nước ta, có ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động kinh tế - tài chính ở tầm vĩ mô lẫn tầm vi mô của nền kinh tế. Luật thuế GTGT luôn thu hút sự quan tâm đặc biệt của xã hội, của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân. Điểm nổi bật của thuế GTGT là khắc phục được nhược điểm thu trùng lặp, chồng chéo qua nhiều khâu của thuế doanh thu. Tính đến nay, Luật đã trải qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung và ngày càng hoàn thiện phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế.

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, số lượng hộ kinh doanh (HKD) cũng gia tăng nhanh chóng trên quy mô toàn quốc. Theo số liệu của Tổng cục thống kê đến ngày 1/7/2012 cả nước có 4,63 triệu cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể tăng 23,4% so với năm 2007. Đóng góp GDP hàng năm trung bình khoảng 12-13%, chiếm 60% doanh thu bán lẻ, đang tạo ra 7,9 triệu việc làm cho người lao động, tăng thêm thu nhập cho các hộ gia đình và đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp phá sản, giải thể, ngừng hoạt động. Có thể nói, hoạt động của HKD góp phần làm tăng của cải xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống và phát triển kinh tế xã hội của đất nước [32].

Thuế thu từ hộ kinh doanh ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với ngân sách nhà nước. Thời gian qua việc chấp hành và áp dụng Luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh có nhiều chuyển biến tích cực góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế của các hộ kinh doanh, hạn chế thất thu, tăng thu cho ngân sách. Tuy nhiên, thực tiễn trong quá trình triển khai và thi hành luật thuế GTGT cũng nảy sinh nhiều khó khăn vướng mắc cần giải quyết như: chưa thực sự chi tiết, minh bạch, việc gian lận thuế, vấn đề khoán thuế đối với HKD, thuế suất thuế GTGT, các quy định xử phạt ... Để góp phần đảm bảo công bằng giữa các chủ thể hộ kinh doanh có nghĩa vụ nộp thuế, thì việc nghiên cứu pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá thực trạng và những giải pháp để đảm bảo pháp Luật thuế GTGT được thực hiện tốt nói riêng, cũng như kịp thời tạo lập một hành lang pháp lý về thuế nói chung, giúp các cơ quan thuế quản lý tốt đạt được mục tiêu khi động viên nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Xuất phát từ những điều đó tôi đã mạnh dạn tham gia nghiên cứu đề tài “***Pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn quận Gò Vấp thành phố Hồ Chí Minh***”.

2. Tình hình nghiên cứu

Đến nay những vấn đề chung về Luật thuế GTGT đã được trình bày trong nhiều giáo trình, được nghiên cứu bởi nhiều nhà chuyên môn. Tuy nhiên, vấn đề pháp luật thuế đối với HKD, việc thi hành pháp luật của các hộ kinh doanh chưa được hệ thống

một cách toàn diện. Trong khi đó, HKD đang chiếm số lượng khá lớn trong khu vực kinh tế tư nhân, có những đóng góp nhất định vào công cuộc phát triển chung của cả nước. Do vậy, tác giả nhận thấy cần có một sự nghiên cứu toàn diện và đầy đủ về Luật thuế GTGT và việc thi hành luật của các HKD dưới góc độ quy định của pháp luật hiện hành dựa trên thực tiễn áp dụng từ địa bàn Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đưa ra định hướng cho việc đảm bảo thực hiện pháp luật và công tác quản lý về thuế đối với hộ kinh doanh.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1 Mục đích của luận văn

Mục đích đề tài là làm rõ những vấn đề lý luận về pháp luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh; thực trạng quy định và thực trạng thực hiện pháp luật thuế GTGT, quản lý thuế GTGT đối với hộ kinh doanh tại Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp giúp đảm bảo và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

3.2 Nhiệm vụ của luận văn

- Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về HKD và pháp luật thuế GTGT đối với HKD;
- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh;
- Phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng tại Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đề xuất các phương hướng và giải pháp giúp đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế GTGT và nâng cao hiệu quả quản lý thuế GTGT đối với hộ kinh doanh ở nước ta hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu và phương pháp luận

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích, tổng hợp, hệ thống, luật học so sánh và dự báo qua những tài liệu thứ cấp để làm sáng tỏ các vấn đề cần được nghiên cứu trong phạm vi đề tài. Cụ thể:

Thứ nhất, phương pháp tiếp cận hệ thống, nhằm làm rõ về thuế GTGT và Luật thuế GTGT, cũng như bản chất pháp lý của hộ kinh doanh.

Thứ hai, phương pháp nghiên cứu gián tiếp thông qua việc tổng hợp, phân tích các tư liệu, nhất là tư liệu sơ cấp (các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam) làm cơ sở thực tiễn cho việc đánh giá thực trạng pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh

Thứ ba, phương pháp kết hợp lý luận và thực tiễn được sử dụng xuyên suốt trong luận văn nhằm phân tích, đánh giá thực tiễn thực thi pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp giúp đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế GTGT, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế GTGT đối với hộ kinh doanh ở Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, phương pháp luật so sánh (so sánh các quy định pháp luật trong các thời kỳ lịch sử) để thấy được điểm tiến bộ của pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh hiện nay.

5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu đề tài

5.1 Đối tượng nghiên cứu

Trong phạm vi đề tài này, tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề về thuế GTGT và luật thuế GTGT dưới góc độ khoa học pháp lý, trong đó tập trung đánh giá những vấn đề chung và các quy định về luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh.

5.2 Phạm vi nghiên cứu

Về đánh giá thực trạng hoạt động và tình hình chấp hành pháp luật của hộ kinh doanh, luận văn sử dụng các số liệu hộ kinh doanh giới hạn trên phạm vi địa bàn Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện có số lượng hộ kinh doanh khoảng hơn 34.000 hộ, với nhiều quy mô và hình thức khác nhau, ngành nghề đa dạng, có thể phản ánh tiêu biểu xu hướng chung của các hộ kinh doanh ở các địa bàn khác khắp cả nước.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1 Về lý luận

Luận văn là cách nhìn nhận và đáng giá trên cơ sở lý luận và thực tiễn về thuế GTGT, luật thuế GTGT và hoạt động của hộ kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật

Việt Nam. Đề tài này được thực hiện với mong muốn góp phần hệ thống hoá và tạo ra cách nhìn nhận, đánh giá toàn diện hơn về thuế GTGT. Đồng thời, luận văn cũng nêu lên một số kiến nghị nhằm góp phần đảm bảo thực hiện pháp luật về luật thuế GTGT, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế GTGT đối với HKD ở Việt Nam.

6.2 Về giá trị thực tiễn

Luận văn là nguồn tài liệu tham khảo bổ ích cho sinh viên, học viên khi thực hiện nghiên cứu khoa học liên quan đến thuế GTGT, luật thuế GTGT và chủ thể hộ kinh doanh ở Việt nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài mục lục, phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, cơ cấu luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về thuế GTGT, hộ kinh doanh và pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh.

Chương 2. Thực trạng thực hiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3. Phương hướng và giải pháp giúp việc đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế GTGT và nâng cao hiệu quả quản lý thuế GTGT đối với hộ kinh doanh ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, HỘ KINH DOANH PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH

1.1 Những vấn đề cơ bản về thuế giá trị gia tăng và hộ kinh doanh

1.1.1 Khái niệm về thuế giá trị gia tăng

Trên thế giới Pháp là nước đầu tiên ban hành Luật thuế GTGT - vào năm 1954. Ngày nay, các quốc gia thuộc khối Liên minh Châu Âu, châu Phi, châu Mỹ La Tinh và một số quốc gia Châu á trong đó có Việt Nam đã chính thức áp dụng thuế GTGT. Các quốc gia khác cũng đang trong thời kỳ nghiên cứu loại thuế này. Tính đến nay đã có khoảng 130 quốc gia áp dụng thuế GTGT [18].

Ở nước ta, tại kỳ họp lần thứ 11 Quốc hội khoá 9, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật thuế giá trị gia tăng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-01-1999.

Theo quy định của Luật thuế GTGT thì thuế GTGT là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ.

Theo đó, thuế GTGT đưa ra những khái niệm mới so với thuế doanh thu là khấu trừ và hoàn thuế. Các quá trình sản xuất, lưu thông và tiêu dùng là những mắt xích gắn kết với nhau rất chặt chẽ. Nhà phân phối mua sản phẩm của nhà sản xuất rồi bán lại cho người tiêu dùng sẽ được khấu trừ thuế đầu vào nhưng phải nộp thuế đầu ra. Điều này có nghĩa là nhà phân phối chỉ phải chịu khoản thuế GTGT tính trên phần giá trị tăng thêm ở khâu phân phối. Trước đó, nhà sản xuất chắc chắn đã phải nộp khoản thuế GTGT cho sản phẩm đầu ra bán cho nhà phân phối. Khoản thuế này cũng chính là khoản thuế mà nhà phân phối được Chính phủ hoàn lại. Người tiêu dùng mua hàng để sử dụng cuối cùng sẽ không được hoàn thuế GTGT đầu vào. Khoản thuế GTGT đầu vào của người tiêu dùng cũng chính là khoản thuế GTGT mà nhà phân phối phải nộp cho Chính phủ. Theo cách tư duy mắt xích như vậy thì người tiêu dùng cuối cùng mới

chính là người phải gánh chịu khoản thuế GTGT, trong khi đó nhà phân phối và nhà sản xuất chỉ là người “nộp thay” khoản thuế này cho người tiêu dùng và sau đó được chính phủ hoàn lại. Cũng theo cách suy luận như vậy thì thuế GTGT cũng tương tự như thuế doanh thu đánh vào khâu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ xét ở phương diện giá trị.

1.1.2 Đặc điểm về thuế giá trị gia tăng

Một là, thuế giá trị gia tăng có đối tượng chịu thuế rất lớn. Đó là mọi đối tượng tồn tại trong xã hội, kể cả cá nhân và tổ chức đều phải chi trả thu nhập của mình để thụ hưởng kết quả sản xuất kinh doanh tạo ra cho xã hội. Việc áp thuế trên phạm vi lãnh thổ với mọi đối tượng thể hiện sự công bằng của thuế, đồng thời thể hiện thái độ của Nhà nước đối với các loại tiêu dùng trong xã hội. Đối với trường hợp cần khuyến khích tiêu dùng hoặc hạn chế việc trả tiền thuế của người tiêu dùng, Nhà nước sẽ không đánh thuế hoặc đánh thuế với mức thuế suất thấp nhất.

Hai là, thuế giá trị gia tăng chỉ tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ. Việc đánh thuế chỉ trên phần giá trị tăng thêm mà không phải đối với toàn bộ giá trị hàng hóa dịch vụ làm cho số thuế giá trị gia tăng áp dụng trong mỗi khâu của quá trình lưu thông không gây ra những đột biến về giá cả cho người tiêu dùng. Đây là đặc điểm cơ bản để phân biệt thuế giá trị gia tăng với những loại thuế gián thu khác. Nếu như thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ đánh một lần ở khâu sản xuất hay nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ; thuế xuất - nhập khẩu chỉ đánh ở khâu xuất hoặc nhập khẩu thì thuế giá trị gia tăng lại đánh ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất, lưu thông hàng hóa.

Ba là, nếu dựa trên giá mua cuối cùng của hàng hóa dịch vụ, số thuế giá trị gia tăng phải nộp không thay đổi phụ thuộc vào các giai đoạn lưu thông khác nhau. Áp thuế ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất, lưu thông hàng hóa trong nước, nhập khẩu và lưu thông hàng hóa nhập khẩu nhưng cơ sở xác định số thuế phải nộp chỉ là phần giá trị mới tăng thêm của khâu sau so với khâu trước nên nếu coi giá thanh toán tính đến khi người tiêu dùng thụ hưởng hàng hóa dịch vụ đã xác định trước và không thay đổi, các phần giá trị hàng hóa, dịch vụ có bị chia nhỏ và đánh thuế, tổng số thuế GTGT phải nộp qua các khâu chính là số thuế cuối cùng tính trên tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng phải gánh chịu.

So với thuế doanh thu trước đây thì thuế GTGT có những ưu điểm nổi bật sau:

Thuế GTGT có phạm vi rộng điều chỉnh rộng, thuộc mọi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kể cả hàng hoá dịch vụ. Thuế GTGT tránh được hiện tượng thuế chồng lên thuế, loại trừ phần thuế đã nộp từ khâu trước chỉ tính trên phần GTGT của hàng hoá, dịch vụ trong các khâu sau.

Thuế GTGT có mức thuế suất 0% đối với hàng hoá xuất khẩu cho nên kích thích sản xuất hàng xuất khẩu. Hàng hoá xuất khẩu không những không phải nộp thuế GTGT ở đầu ra mà còn được hoàn trả số thuế đã nộp ở đầu vào, tạo điều kiện có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Đồng thời kết hợp với thuế nhập khẩu góp phần bảo vệ sản xuất kinh doanh hàng hoá trong nước. Thuế GTGT có tác dụng khuyến khích mạnh mẽ hơn đối với xuất khẩu [36].

Thuế GTGT có ít mức thuế suất nên đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng và dễ kiểm tra hơn thuế doanh thu. Thuế GTGT tập trung thu ngay ở khâu đầu tiên là nơi sản xuất hay nhập khẩu hàng hoá và ở mỗi khâu đều có thể kiểm tra được việc thu, nộp thuế ở khâu trước, hạn chế được thất thu thuế hơn khi áp dụng thuế doanh thu.

Thuế GTGT được thực hiện thống nhất, chặt chẽ theo nguyên tắc căn cứ vào hoá đơn mua, bán hàng hoá để khấu trừ phần thuế đã nộp ở khâu trước, vì vậy khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh khi mua bán hàng hoá phải sử dụng hoá đơn và hạn chế những sai sót, gian lận trong việc ghi chép hoá đơn đồng thời đưa mọi hoạt động mua bán hàng hoá, dịch vụ phải sử dụng hoá đơn dần đi vào nề nếp và thành thói quen trong hoạt động kinh tế, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chức năng, giúp Chính phủ có những biện pháp hữu hiệu trong việc điều hành vĩ mô nền kinh tế.

Thuế GTGT ra đời phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện cho môi trường đầu tư trong và ngoài nước, giúp cho nền kinh tế nước ta nhanh chóng hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới. Thuế GTGT có nhiều ưu điểm nổi bật hơn thuế doanh thu. Mục đích chủ yếu của việc áp dụng thuế GTGT là tạo thêm thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển chứ không phải làm cho các doanh nghiệp khó khăn hơn.

1.1.3 Vai trò của thuế GTGT

Một là, thuế GTGT là sắc thuế có nguồn thu quan trọng của NSNN

Thuế GTGT là nguồn thu quan trọng và ổn định cho NSNN, thuế GTGT huy động và xác định ngay từ khâu đầu và việc thu thuế GTGT ở khâu sau còn kiểm tra việc tính thuế GTGT đã nộp ở khâu trước nên hạn chế được việc thất thu thuế, kiểm soát được nguồn thu trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế.

Kể từ khi luật thuế GTGT chính thức được thực thi, Chính phủ và Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản pháp quy để hướng dẫn sửa đổi bổ sung. Thuế GTGT đã và đang từng bước được hoàn thiện, khắc phục những tồn tại vốn có trong thời kỳ chuyển đổi và ngày một phát huy vai trò của thuế GTGT trong nền kinh tế thị trường đầy biến động, đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn của một sắc thuế trong điều kiện kinh tế thị trường.

Hai là, thuế GTGT góp phần điều tiết vĩ mô, vi mô nền kinh tế

Luật thuế GTGT quy định các mặt hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế; về thuế suất cũng áp dụng các mức thuế suất khác nhau cho các nhóm hàng hóa dịch vụ. Thông qua công cụ thuế nó tác động và làm thay đổi mối quan hệ cung và cầu trên thị trường từ đó tác động đến sự đầu tư, sản xuất và việc lựa chọn hàng hóa để sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Từ đó góp phần điều tiết sản xuất và tiêu dùng; khuyến khích xuất khẩu hàng hóa; điều tiết thu nhập, đảm bảo tính công bằng xã hội; khuyến khích tăng năng suất, phát triển kinh tế xã hội.

Ba là, thuế GTGT là công cụ kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuế GTGT góp phần làm lành mạnh hóa nền kinh tế, tạo nên sự cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể, tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá phải có đầy đủ chứng từ hoá đơn hợp lệ theo luật định. Việc đăng ký mã thuế cùng với phương pháp khấu trừ thuế đã buộc cả người mua, người bán thực hiện tốt hơn chế độ hoá đơn, chứng từ trong các hoạt động thanh toán.

Qua việc phân tích về đặc điểm và vai trò của thuế GTGT nêu trên, chúng ta thấy rằng việc cần thiết khi thay thế thuế doanh thu bằng thuế GTGT và trong các loại thuế gián thu, thuế GTGT được coi là phương pháp thu tiền bộ nhất hiện nay, được

đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách thuế, như tạo được nguồn thu lớn cho NSNN, đơn giản, trung lập...Tuy nhiên, trong thời gian đầu áp dụng thuế giá trị gia tăng đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc và Nhà nước ta đã từng bước tháo gỡ những khó khăn đó trong quá trình thực hiện Luật thuế GTGT hiện tại.

1.1.4 Những vấn đề cơ bản về hộ kinh doanh

Tại Việt Nam, số lượng nhà đầu tư kinh doanh dưới hình thức là cá nhân và nhóm kinh doanh ở quy mô nhỏ không thành lập doanh nghiệp có tỷ lệ không nhỏ. Trong từng giai đoạn chúng được gọi bằng những tên khác nhau. Theo Nghị định số 66-HĐBT họ được gọi là cá nhân và nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định, Nghị định 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh và Nghị định số 109/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02 tháng 4 năm 2006 về đăng ký kinh doanh (thay thế Nghị định số 02/2000/NĐ-CP) là hộ kinh doanh cá thể. Sau đó, Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh (Nghị định số 88/2006/NĐ-CP) và Nghị định 43/2010/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 88/2006/NĐ-CP) ngày 15 tháng 4 năm 2010 về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 43/2010/NĐ-CP) gọi là hộ kinh doanh (HKD). Mặc dù tên gọi khác nhau nhưng bản chất pháp lý của chúng không thay đổi.

Theo đó có thể hiểu chung nhất, HKD là đơn vị kinh doanh do cá nhân hoặc những người có mối quan hệ nhất định cùng bỏ vốn ra để thực hiện hoạt động kinh doanh kiếm lời, cùng hưởng lãi, chịu lỗ và cùng chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, lấy kinh doanh làm nghề nghiệp chính [22,tr165-166]

HKD được phân biệt với các chủ thể kinh doanh khác dựa vào các đặc trưng cơ bản sau:

- HKD là tổ chức hoạt động kinh doanh mang tính chất nhỏ lẻ, có quy mô vốn thấp, số lượng lao động ít.

- HKD thực hiện kinh doanh theo kiểu gia đình, bao gồm nhiều quan hệ huyết thống, hôn nhân hoặc nuôi dưỡng cùng tham gia kinh doanh. Họ không có hoặc có rất ít người làm công, người giúp việc thường là người trong gia đình. Hộ được đại diện bởi chủ hộ.

- Với quy mô kinh doanh nhỏ, được thành lập dựa trên mối quan hệ gia đình, dòng họ hoặc bạn bè nên HKD không có bộ máy điều hành chính thức, chủ sở hữu trực tiếp quản lý và điều hành công việc kinh doanh. Điều này cũng thể hiện tính linh hoạt của HKD trong thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý.

Khái niệm HKD đã được chính thức ghi nhận tại khoản 1, Điều 49, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP. Theo đó, HKD là đơn vị kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh (ĐKKD) tại một địa điểm, sử dụng không quá mười lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh. Một điểm khác với doanh nghiệp (DN) nói chung, đó là trong khi các DN đều có con dấu được khắc và đăng ký theo đúng quy định pháp luật tại cơ quan công an cấp tỉnh nơi DN đặt trụ sở thì HKD không có con dấu [25].

Xét về khái niệm, có thể nhận thấy HKD là một loại chủ thể kinh doanh, được thành lập và đăng ký theo quy định của pháp luật nhằm tiến hành hoạt động kinh doanh.

Những trường hợp không được xem là HKD cũng được Nghị định số 43/2010/NĐ-CP quy định rõ nhằm xác định ranh giới trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ nhất định đối với mỗi loại chủ thể. Theo đó, hộ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối hoặc những hoạt động mang hình thức kinh doanh nhưng thực chất vốn đầu tư nhỏ lẻ, chủ yếu lấy công kiếm lời hoặc mang tính lưu động không cố định như những người bán hàng rong, quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp thì không phải đăng ký kinh doanh và không được coi là HKD, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện phải đăng ký kinh doanh để nhà nước quản lý.

Những cá nhân thực hiện buôn bán hàng rong, quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp được giải thích tại Điều 3, Nghị định số 39/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải ĐKKD. Như vậy, quan điểm chung của pháp luật cho rằng hoạt động của những người này chỉ lấy công kiếm lời, có

thể chỉ bán hàng từng lúc, từng giờ, không mang tính nghề nghiệp, thường không có địa điểm cố định và kinh doanh một số mặt hàng nhỏ lẻ, do đó không thể xem họ là người kinh doanh và chịu sự điều chỉnh của pháp luật về ĐKKD hộ kinh doanh.

Các loại thuế mà HKD có nghĩa vụ thực hiện hoạt động kinh doanh:

Thuế môn bài

Thuế môn bài là sắc thuế đánh vào hành vi ĐKKD. Theo Nghị định số 75/2002/NĐ-CP ngày 30/8/2002 Về việc điều chỉnh mức thuế môn bài và các Thông tư 96/2002/TT-BTC; Thông tư 42/2003/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế môn bài thì hộ kinh doanh cần lưu ý: Cơ sở kinh doanh đang kinh doanh hoặc mới thành lập, được cấp đăng ký thuế và MST trong thời gian của 6 tháng đầu năm thì nộp mức Môn bài cả năm, nếu thành lập, được cấp đăng ký thuế và mã số thuế trong thời gian 6 tháng cuối năm thì nộp 50% mức thuế Môn bài cả năm. Cơ sở đang sản xuất kinh doanh nộp thuế Môn bài ngay tháng đầu của năm dương lịch; cơ sở mới ra kinh doanh nộp thuế Môn bài ngay trong tháng được cấp đăng ký thuế và cấp MST.

Cơ sở kinh doanh có thực tế kinh doanh nhưng không kê khai đăng ký thuế, phải nộp mức thuế Môn bài cả năm không phân biệt thời điểm phát hiện là của 6 tháng đầu năm hay 6 tháng cuối năm. Nếu nộp chậm thì bị phạt 0,1% (một phần nghìn) số tiền nộp chậm cho mỗi ngày nộp chậm. Nếu trốn tránh việc nộp thuế Môn bài, khi kiểm tra ngoài việc phải nộp đủ số thuế môn bài đã qui định, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm cơ sở kinh doanh còn bị phạt tiền từ 1 đến 5 lần số thuế gian lận.

Mức thu thuế môn bài dựa vào mức khoán thu nhập mà cán bộ thuế ấn định dựa trên tình hình thực tiễn và quy mô của HKD. Được ấn định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 75/2002/NĐ-CP và hướng dẫn tại điểm 2 Mục I Thông tư 96/2002/TT-BTC.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng đối với HKD thì phương pháp tính thuế, thuế suất và doanh thu tương tự như cách tính của giá trị gia tăng được quy định thông thường. Tuy nhiên cần lưu ý, thu nhập tính thuế GTGT của HKD được khoán, tức là xác định một mức doanh thu nhất định từ đây dựa vào quy mô và hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khoán, cơ quan

thuế xác định doanh thu, thuế GTGT phải nộp theo tỷ lệ % trên doanh thu của hộ khoán theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư 92/2015/TT-BTC căn cứ vào tài liệu, số liệu khai thuế của hộ khoán, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, kết quả điều tra doanh thu thực tế và ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường.

Trường hợp hộ, cá nhân nộp thuế theo phương pháp khoán kinh doanh nhiều ngành nghề thì cơ quan thuế xác định số thuế phải nộp theo tỷ lệ của hoạt động kinh doanh chính. Đặc biệt lưu ý đối với hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu của hàng hóa, dịch vụ hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư 92/2015/TT-BTC.

Thuế thu nhập cá nhân

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì xác định thu nhập chịu thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán cụ thể như sau:

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế = Doanh thu khoán trong kỳ tính thuế × Tỷ lệ thu nhập chịu thuế ấn định.

Ở đây cần lưu ý, riêng hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có mức doanh thu bằng hoặc dưới mức doanh thu của hàng hóa, dịch vụ hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống thì thuộc đối tượng không phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế GTGT theo phương pháp khoán.

Tỷ lệ thu nhập chịu thuế ấn định tính trên doanh thu áp dụng đối với cá nhân kinh doanh chưa thực hiện đúng pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ; cá nhân kinh doanh lưu động và cá nhân không kinh doanh như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hoá: 7%
- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 30%
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 15%
- Hoạt động kinh doanh khác: 12%

Đối với cá nhân kinh doanh nhiều ngành nghề thì áp dụng theo tỷ lệ của hoạt động kinh doanh chính. Trường hợp cá nhân thực tế kinh doanh nhiều ngành nghề và

không xác định được ngành nghề kinh doanh chính thì áp dụng theo tỷ lệ của “Hoạt động kinh doanh khác”.

Bên cạnh 3 loại thuế chính, các trường hợp đặc biệt phải nộp thuế có liên quan đến hoạt động của HKD còn bao gồm:

Thuế Tiêu thụ đặc biệt: Hộ kinh doanh phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt khi kinh doanh hoặc cung ứng dịch vụ phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá, dịch vụ được quy định theo Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt tại Luật thuế tiêu thụ đặc biệt. Người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ được giảm thuế.

Thuế Xuất khẩu: Khi HKD tiến hành xuất khẩu hàng hoá ra khỏi biên giới theo quy định của pháp luật Việt Nam thì HKD phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Số thuế xuất khẩu phải nộp bằng số lượng đơn vị từng mặt hàng thực tế xuất khẩu ghi trong tờ khai hải quan nhân với giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng ghi trong Biểu thuế tại thời điểm tính thuế; Để khuyến khích xuất khẩu, phần lớn mức thuế ưu đãi là 0%.

Thuế Nhập khẩu: Khi HKD tiến hành các hoạt động kinh doanh các mặt hàng nhập khẩu thì HKD phải tiến hành đóng thuế nhập khẩu cho mặt hàng mà mình muốn nhập khẩu. HKD cần xem xét mình có thuộc các trường hợp miễn thuế, xét miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật hay không. Biểu thuế nhập khẩu được quy định tại Thông tư 182/2015/TT-BTC.

Bên cạnh đó, xuất phát từ đặc điểm của hộ kinh doanh là đơn giản, gọn nhẹ, trình độ quản lý thấp, đại bộ phận hộ kinh doanh không sử dụng hóa đơn mua, bán hàng đầy đủ... nên quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cũng có những điểm khác so với quản lý thuế đối với doanh nghiệp:

Cùng với cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực quản lý thuế (cụ thể là Chi cục thuế) còn có sự tham gia của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn.

Việc nộp thuế của HKD được phân thành hai loại: HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai và HKD nộp thuế theo phương pháp khoán để phù hợp với quy mô, trình

độ của HKD. Bên cạnh đó, HKD còn phải thực hiện mức ấn định thuế của cơ quan thuế (trong trường hợp HKD thực hiện không đúng chế độ sổ sách kế toán; thực hiện không đúng chế độ hóa đơn chứng từ khi mua bán hàng hóa, dịch vụ; kê khai thuế không chính xác, không trung thực...). Đối với HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai thì có đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 3 Luật Quản lý thuế hiện hành. Tuy nhiên, đối với HKD nộp thuế theo phương pháp khoán thì không có quy định về hoàn thuế tại khoản 2 Điều 3 Luật Quản lý thuế.

Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh có nhiều khác biệt so với quản lý thuế đối với doanh nghiệp về trình tự thủ tục như: công khai doanh thu và mức thuế của từng HKD nộp thuế theo phương pháp khoán tại những địa điểm nhất định trong khoảng thời gian theo quy định; tổ chức điều tra doanh thu thực tế của HKD; tổ chức tham vấn ý kiến Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn...

Kết quả nộp thuế của các doanh nghiệp phụ thuộc vào việc thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ còn kết quả nộp thuế của HKD phụ thuộc nhiều vào trình độ và ý thức của cán bộ thuế. Do vậy, tình trạng cán bộ thuế cố tình để sót hộ (không đưa HKD vào bộ quản lý, nhất là những HKD không phải thực hiện ĐKKD) là không thể tránh khỏi.

1.2 Nội dung Luật thuế GTGT đối với HKD

Sau 3 năm áp dụng Luật thuế doanh thu, ngày 05/07/1993, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 486-TC/QĐ/BTC về việc thực hiện thí điểm thuế GTGT ở một số doanh nghiệp quốc doanh thuộc các ngành có quá trình chuyển từ sản xuất đến tiêu dùng thường xuyên phải trải qua nhiều công đoạn (như sản xuất xi măng, sản xuất sợi, dệt, sản xuất đường). Như vậy, trong thời kỳ này, thuế GTGT đã được áp dụng song hành với thuế doanh thu đang có hiệu lực.

Đến ngày 10/05/1997, Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 11 đã quyết định thông qua Luật thuế GTGT trên cơ sở cải cách mang tính kế thừa Luật thuế doanh thu. Từ khi ra đời đến nay, Luật thuế GTGT đã trải qua nhiều lần điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung vào các năm 2000, 2003, 2005. Luật thuế GTGT hiện đang có hiệu lực là Luật thuế GTGT được ban hành năm 2008 (hiệu lực từ 01/01/2009). Luật thuế GTGT 2008

ra đời trên cơ sở thống nhất các văn bản luật về thuế GTGT khác nhau như Luật thuế GTGT 1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT năm 2003, và Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB và Luật thuế GTGT năm 2005. Hiện nay Luật thuế GTGT vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện thông qua các Luật sửa đổi bổ sung như: Luật số 31/2013/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12; Điều 3 Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2013/QH13; Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2013/QH13.

Luật thuế GTGT 2008 gồm 16 Điều, quy định những vấn đề chung về thuế GTGT như phạm vi điều chỉnh, đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế; các căn cứ và phương pháp tính thuế; việc khấu trừ, hoàn thuế và các điều khoản thi hành. Những quy định chi tiết về việc thi hành Luật thuế GTGT được thể hiện thông qua các Nghị định của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Nội dung cơ bản của Luật thuế GTGT như sau:

1.2.1 Đối tượng nộp thuế

Đối tượng nộp thuế bao gồm: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế (gọi chung là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân khác nhập khẩu hàng hoá chịu thuế (gọi chung là người nhập khẩu) là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng (Điều 4- Luật thuế GTGT).

Qua quy định của Luật về đối tượng nộp thuế có thể thấy, Luật thuế GTGT là sắc thuế có phạm vi điều chỉnh rộng nhất trong tất cả các Luật thuế hiện hành của Nhà nước ta. Thuế GTGT động viên sự đóng góp của tất cả mọi người dân thông qua hành vi tiêu dùng của họ. Với phạm vi điều chỉnh rộng như vậy, thuế GTGT hiện nay là một trong những sắc thuế quan trọng trong hệ thống thu thuế của Nhà nước ta và cũng như thuế doanh thu trước đây, thuế GTGT luôn có tỷ trọng cao trong cơ cấu thu của NSNN.

1.2.2. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế bao gồm hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng được quy định tại Điều 3 Luật thuế GTGT, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này.

Điều đó có nghĩa là đối tượng chịu thuế GTGT quy định đối tượng chịu thuế gồm toàn bộ hàng hóa, dịch vụ được mua bán, tiêu dùng trên thị trường; hàng hóa, dịch vụ được sản xuất và tiêu dùng trong nước.

Tuy nhiên, do tính chất của sản xuất và tiêu dùng ở nước ta hiện nay, mặt khác để nâng đỡ và khuyến khích phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực, Luật thuế GTGT có quy định một số loại hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT. Hiện nay đối tượng không chịu thuế đã được điều chỉnh bổ sung cho phù hợp theo Nghị định 100/2016/NĐ-CP.

1.2.3 Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

Giá tính thuế được xác định cụ thể tùy theo loại hàng hoá, dịch vụ. Giá tính thuế đối với các loại hàng hoá, dịch vụ bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Các khoản phụ thu cơ sở kinh doanh thu theo chế độ của Nhà nước không tính vào doanh thu của cơ sở kinh doanh thì thuế giá trị gia tăng không tính đối với các khoản phụ thu này.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Hiện nay các nước áp dụng thuế VAT có sự khác nhau trong việc thiết kế mức thuế suất và số lượng thuế suất trong đạo luật thuế giá trị gia tăng. Một số nước thực hiện cơ cấu một mức thuế suất như Đan Mạch (22 %), Nhật Bản, Singapo (3%), Italia (38%)... Một số nước khác thực hiện cơ cấu nhiều thuế suất như: Bỉ, Colombia (6 mức thuế suất), Pháp (5 mức thuế suất)... Theo thông lệ chung, Luật thuế giá trị gia tăng của các nước thường áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hóa xuất khẩu và một số hàng hóa thiết yếu đối với đời sống của dân cư.

Luật thuế giá trị gia tăng của Việt Nam hiện hành quy định 4 mức thuế suất là: 0% ,5% , 10% và 20% áp dụng cho các nhóm hàng hóa, dịch vụ. Trong đó mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu. Mức thuế suất 20% áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ như vàng, bạc, đá quý, dịch vụ môi giới...

Nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện Luật thuế GTGT nên việc quy định các mức thuế suất áp dụng đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ chưa phù hợp và Chính phủ đang từng bước sửa đổi, bổ sung các mức thuế suất cho phù hợp với từng loại hàng hóa, dịch vụ cụ thể. Do đó tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn cụ thể mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các loại hàng hóa, dịch vụ là khác nhau.

1.2.4 Cách tính thuế

1.2.4.1 Phương pháp khấu trừ thuế:

Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn chứng từ được quy định tại Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính, bao gồm:

Cơ sở kinh doanh có doanh thu hàng năm từ bán hàng, cung ứng dịch vụ từ 1 tỷ đồng trở lên, trừ hộ, cá nhân kinh doanh; Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân kinh doanh.

Số thuế GTGT phải nộp	=	Số thuế GTGT đầu ra	-	Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
----------------------------------	---	--------------------------------	---	---

Trong đó:

Số thuế GTGT đầu ra	=	Tổng số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên hoá đơn GTGT.
----------------------------	---	--

Thuế GTGT ghi trên hóa đơn	=	Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất	X	Thuế suất GTGT của hàng hóa, dịch vụ
-----------------------------------	----------	---	----------	---

Số thuế GTGT đầu vào	=	Tổng số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào ghi trên hoá đơn GTGT.
-----------------------------	----------	---

Trường hợp sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ giá tính thuế giá trị gia tăng xác định theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 của Luật này;

1.2.4.2 Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT:

**Về đối tượng áp dụng:*

Doanh nghiệp, hợp tác xã có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này;

Hộ, cá nhân kinh doanh;

Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ; trừ tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay;

Tổ chức kinh tế khác, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này;

Theo phương pháp này có ba hình thức khác nhau:

- Đối với hộ kinh doanh đã thực hiện đầy đủ chế độ hoá đơn, chứng từ theo quy định: Hàng hoá dịch vụ mua vào và bán ra đều có hoá đơn, chứng từ hợp lệ thì:

Thuế GTGT phải nộp	=	GTGT của hàng hoá, dịch vụ	x	Thuế suất thuế GTGT tương ứng
GTGT của hàng hoá, dịch vụ	=	Doanh số bán ra	-	Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào

• Đối với hộ kinh doanh đã thực hiện chế độ lập hoá đơn, chứng từ khi bán hàng hoá, dịch vụ nhưng không có đủ hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào thì:

Thuế GTGT phải nộp	=	Doanh thu	X	Tỷ lệ (%) GTGT trên doanh thu
---------------------------	---	------------------	----------	--------------------------------------

* Về tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hoá: 1%;
- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;
- Hoạt động kinh doanh khác: 2%.

Doanh thu để tính thuế GTGT là tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ thực tế ghi trên hóa đơn bán hàng đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT bao gồm các khoản phụ thu, phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Cơ sở kinh doanh nhiều ngành nghề có mức tỷ lệ khác nhau phải khai thuế GTGT theo từng nhóm ngành nghề tương ứng với các mức tỷ lệ theo quy định; trường hợp người nộp thuế không xác định được doanh thu theo từng nhóm ngành nghề hoặc trong một hợp đồng kinh doanh trọn gói bao gồm các hoạt động tại nhiều nhóm tỷ lệ khác nhau mà không tách được thì sẽ áp dụng mức tỷ lệ cao nhất của nhóm ngành nghề mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.

• Đối với HKD không thực hiện chế độ kế toán, chế độ lập hoá đơn, chứng từ khi mua bán hàng hoá, dịch vụ: Về nguyên tắc, những hộ loại này thường là những hộ kinh doanh nhỏ, bán lẻ và kinh doanh nhiều mặt vụn vặt, hàng bán có thể không có

hoá đơn, chứng từ (vì chi phí cho hoá đơn chứng từ chiếm tỷ lệ cao trong doanh số).
 Những hộ này nộp thuế GTGT như sau:

Số thuế GTGT phải nộp	=	Doanh thu tính thuế GTGT	x	Tỷ lệ thuế GTGT
----------------------------------	---	-------------------------------------	---	------------------------

Đây còn gọi là cách nộp thuế GTGT theo phương pháp khoán, cơ quan thuế xác định doanh thu, thuế GTGT phải nộp là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư 92/2015/TT-BTC, căn cứ vào tài liệu, số liệu khai thuế của hộ khoán, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, kết quả điều tra doanh thu thực tế và ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường.

Trường hợp hộ, cá nhân nộp thuế theo phương pháp khoán kinh doanh nhiều ngành nghề thì cơ quan thuế xác định số thuế phải nộp theo tỷ lệ của hoạt động kinh doanh chính.

Trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (không phải nộp thuế GTGT) theo Khoản 2 Điều 1 Thông tư 92/2015/TT-BTC.

Bảng danh mục ngành nghề tính thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu được ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ tài chính.

Với cách tính thuế được quy định như trên, thì HKD có sự khác biệt so với các tổ chức kinh doanh khác là việc thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT theo phương pháp tính thuế trực tiếp trên GTGT, trong đó phân loại thành 3 loại hình cụ thể: Đối với hộ đã thực hiện đầy đủ chế độ hoá đơn, chứng từ theo quy định, có đầy đủ hóa đơn mua vào và bán ra; Đối với hộ đã thực hiện chế độ lập hoá đơn, chứng từ khi bán hàng hoá, dịch vụ nhưng không có đủ hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào; Đối với hộ kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán, chế độ lập hoá đơn, chứng từ khi mua bán hàng hoá, dịch vụ. Theo như phân tích về đặc điểm HKD đã nêu như trên thì đa phần HKD hoạt động với quy mô nhỏ lẻ, trình độ còn hạn chế việc lập sổ sách chưa được phổ biến, không thực hiện đầy đủ các chế độ về hóa đơn, chứng từ... Do vậy

thực tế hiện nay cách tính thuế GTGT đa phần là sử dụng phương pháp khoán trực tiếp, dựa vào sự ấn định của cơ quan thuế với các dữ liệu có liên quan và sự phối hợp của các cơ quan ban ngành có thẩm quyền. Với mô hình là HKD vì vậy việc khấu trừ và hoàn thuế không được áp dụng như loại hình doanh nghiệp.

1.2.5 Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế trong cơ chế thi hành Luật thuế GTGT

1.2.5.1 Đăng ký thuế và cấp mã số thuế GTGT

Sự kiện pháp lý làm phát sinh nghĩa vụ đăng ký thuế GTGT là sự ra đời, thay đổi hoặc chấm dứt của chủ thể kinh doanh. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ này được xác định kể từ ngày đối tượng nộp thuế được cấp giấy chứng nhận ĐKKD. Thời điểm cấp giấy chứng nhận ĐKKD là thời điểm để tính thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế. Việc đăng ký thuế phải tuân thủ theo những trình tự thủ tục nhất định gọi là quy trình đăng ký thuế. Kết quả của đăng ký thuế là mỗi đối tượng nộp thuế được cấp một mã số thuế. Mã số thuế là cơ sở pháp lý để nhận diện người nộp thuế, là điều kiện thiết yếu về phương diện pháp lý để quản lý và thực hiện thuế GTGT.

Theo quy định, cơ sở kinh doanh mới thành lập, thời gian đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ĐKKD ; trường hợp cơ sở chưa được cấp giấy chứng nhận ĐKKD nhưng có hoạt động kinh doanh, cơ sở phải đăng ký nộp thuế trước khi kinh doanh. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản hoặc thay đổi kinh doanh, cơ sở kinh doanh phải khai báo với cơ quan thuế chậm nhất là năm ngày trước khi tiến hành các hoạt động trên.

1.2.5.2 kê khai thuế GTGT

Kê khai thuế là việc khai báo tất cả những nghiệp vụ chịu thuế phát sinh trong kỳ (tháng, quý hoặc năm), số thuế GTGT đã trả khi mua hàng, số thuế GTGT thu được khi bán hàng, số thuế GTGT đã nộp, số thuế GTGT phải nộp trong kỳ cho cơ quan thuế. Việc kê khai thuế được tiến hành theo mẫu tờ khai thuế. Người có nghĩa vụ kê khai thuế căn cứ vào các dữ liệu trên tờ khai thuế thực hiện hành vi kê khai, chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai và nộp tờ khai cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi lập xong tờ khai thuế phải nộp tờ khai cho cơ quan thuế. Sau khi tính

số thuế phải nộp cho đối tượng nộp thuế, cơ quan thuế mới ra thông báo nộp thuế gửi cho các đối tượng nộp thuế. Việc kiểm tra tính đúng đắn của kê khai thuế xảy ra trước thời điểm nộp thuế. Việc sai sót trong việc tính số thuế phải nộp thuộc trách nhiệm của cơ quan thuế.

Riêng đối với HKD không thực hiện nộp tờ khai thuế theo quy định, hoặc nộp tờ khai thuế nhưng số liệu kê khai không chính xác, không trung thực; cơ quan thuế không thể căn cứ vào sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ để xác định số thuế phải nộp phù hợp với thực tế kinh doanh thì cơ quan thuế có thể ấn định thuế hoặc chuyển hộ kinh doanh sang nộp thuế theo phương pháp khoán.

1.2.5.3 Nộp thuế GTGT

Nộp thuế GTGT là việc người cung cấp hàng hoá, dịch vụ chuyên thuế đã thu hộ Nhà nước do người tiêu dùng trả thông qua cơ chế giá khi mua hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế GTGT vào kho bạc Nhà nước. Đây là nghĩa vụ cơ bản nhất của mỗi đối tượng nộp thuế. Để thực hiện nghĩa vụ này một cách có hiệu quả cần điều chỉnh những vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, về hình thức nộp thuế, có thể nộp trực tiếp cho cơ quan thuế hoặc có thể nộp thuế qua Ngân hàng, qua kho bạc.

Thứ hai, về cơ chế nộp thuế. Hiện nay trong thực tiễn tiến hành thu thuế tồn tại hai cơ chế:

Cơ chế đối tượng nộp thuế tự tính nộp thuế: cơ chế này nâng cao tính tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của đối tượng nộp thuế, giảm khối lượng công việc cho cơ quan quản lý thuế cũng như chi phí quản lý hành chính thuế, phân định rạch ròi trách nhiệm của cơ quan thuế, của đối tượng nộp thuế. Cơ chế nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế: tức nộp thuế theo sự tính toán của cơ quan thuế và được thực hiện bởi một quyết định quản lý hành chính của Nhà nước.

Thứ ba, phạm vi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế GTGT. Đối với những tổ chức, cá nhân kinh doanh bất hợp pháp (không có ĐKKD) có nghĩa vụ nộp thuế hay không?

Xét trên phương diện lý luận thì nghĩa vụ nộp thuế GTGT của các chủ thể chỉ phát sinh trên cơ sở các hành vi và hoạt động hợp pháp của các chủ thể vì vậy nếu

đánh thuế vào những hoạt động kinh doanh không hợp pháp thì vô hình chung có một dòng tiền bất hợp pháp được chuyển vào ngân sách Nhà nước, được sự bảo trợ của Nhà nước và dòng tiền đó trở thành hợp pháp.

1.2.5.4 Ấn định thuế

Ấn định thuế là việc cơ quan thuế ấn định các chỉ tiêu làm cơ sở xác định số tiền thuế hoặc ấn định số tiền thuế mà người nộp thuế có nghĩa vụ phải nộp vào ngân sách nhà nước trong trường hợp không có cơ sở thực tế hoặc những cơ sở tính thuế do người nộp thuế đưa ra không phản ánh đúng nghĩa vụ thuế của người nộp thuế [36, trang 426].

Công tác ấn định thuế là hoạt động thường xuyên của cơ quan thuế đối với HKD không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ; HKD không ĐKKD, không đăng ký thuế, cơ quan thuế căn cứ vào tài liệu kê khai của hộ kinh doanh, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn để xác định mức thuế khoán [39]. Đây là một hoạt động của cơ quan thuế nhằm đảm bảo nguyên tắc bình đẳng trong hoạt động quản lý thuế. Bởi lẽ trên thực tế, các chủ thể này đã tiến hành các hành vi làm phát sinh nghĩa vụ thuế với nhà nước nhưng vì những lý do nhất định đã làm cho cơ quan thuế không thể xác định được chính xác số tiền thuế mà các chủ thể có nghĩa vụ phải nộp. Do vậy, để đảm bảo tính công bằng, cơ quan quản lý thuế cần có những quyết định làm cơ sở cho việc xác định nghĩa vụ thuế. Mặc dù, việc ấn định thuế là quyền của cơ quan quản lý thuế nhưng điều đó không có nghĩa là cơ quan quản lý thuế có quyền tùy nghi ấn định số tiền thuế. Một trong những nguyên tắc đặt ra trong hoạt động ấn định thuế là “Việc ấn định thuế phải đảm bảo khách quan, công bằng và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thuế”.

Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, hoạt động của của các cơ quan phối hợp trong việc ấn định thuế (như Hội đồng tư vấn thuế) chưa thật sự hiệu quả, chưa phát huy hết trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng, do vậy việc xác định mức thuế khoán của các hộ kinh doanh lại phụ thuộc nhiều vào cán bộ thuế của Đội thuế liên xã, phường, thị trấn, dễ phát sinh tiêu cực.

Kết luận chương 1

Thuế GTGT có đối tượng chịu thuế lớn, là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Đây là đặc điểm nổi bật của thuế GTGT. HKD là đơn vị kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được ĐKKD tại một địa điểm, sử dụng không quá mười lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh

Việc triển khai Luật thuế GTGT ở nước ta trong những năm vừa qua cho thấy pháp luật về thuế GTGT đã đáp ứng về cơ bản những yêu cầu về lý luận của Luật thuế GTGT cả về cấu trúc bên trong lẫn hình thức biểu hiện bên ngoài, cụ thể có đầy đủ các bộ phận hợp thành của Pháp Luật thuế GTGT và các nhóm quy phạm pháp luật được biểu hiện dưới hình thức: Luật, Nghị quyết, Nghị định, Thông tư, Công văn của Nhà nước có thẩm quyền. Pháp luật thuế GTGT cơ bản đã phản ánh được bản chất của thuế GTGT cũng như cơ chế vận hành của thuế GTGT.

Tuy nhiên, qua phân tích cụ thể có thể nhận thấy Luật thuế GTGT ở nước ta hiện nay chưa đủ mạnh để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT, các quy định hiện hành vẫn còn nhiều thiết sót và bất cập, thể hiện ở những mặt sau: đối tượng chịu thuế GTGT chưa phản ánh đúng bản chất của sự vật hiện tượng; quy định 2 phương pháp tính thuế còn nhiều bất ổn và không sát thực tế (về phương pháp khấu trừ đối với HKD); giá tính thuế được phản ánh trên hoá đơn chứng từ còn có sự khác biệt so với giá thực...; Bên cạnh đó, phạm vi đối tượng nộp thuế GTGT được xác định trong Luật là quá rộng, trong đó chủ thể là HKD chiếm một tỷ lệ lớn nhưng HKD chưa nhận biết đúng mức, chưa chấp hành nghiêm chỉnh về chế độ sổ sách và sử dụng hoá đơn khi thực hiện các cung ứng chịu thuế nên gây nhiều khó khăn phức tạp trong quản lý hành chính thuế. Đồng thời loại hình HKD chủ yếu thu theo phương pháp khoán, vì vậy việc ấn định thuế, doanh thu tính thuế rất khó xác định dẫn đến việc tiêu cực, không công bằng và thất thu còn nhiều.

Chương 2

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH TỪ THỰC TIỄN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1 Thực trạng quy định của pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh

2.1.1 Cơ sở pháp lý của thuế GTGT đối với hộ kinh doanh

Việc thực hiện thuế GTGT đối với hộ kinh doanh hiện nay chủ yếu căn cứ vào các cơ sở pháp lý sau:

STT	Tên văn bản	Nội dung
1	Luật số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008	Luật Thuế giá trị gia tăng.
2	Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013	Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.
3	Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng.
4	Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014	Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều luật về thuế.
5	Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015	Quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế.
6	Thông tư số 92/2015/TT- BTC ngày 15/06/2015	Hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng đối với cá nhân trú có hoạt động kinh doanh; Hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập

		cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.
7	Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016	Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi bổ sung và một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật QLT.

** Về thực hiện thuế GTGT theo phương pháp khoán:*

HKD nộp thuế theo phương pháp khoán là HKD có phát sinh doanh thu từ kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh trừ cá nhân kinh doanh hướng dẫn tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư 92/2015/TT-BTC.

Theo đó, trường hợp HKD nộp thuế khoán kinh doanh không trọn năm (không đủ 12 tháng trong năm dương lịch) bao gồm HKD: mới ra kinh doanh; kinh doanh thường xuyên theo thời vụ; ngừng/ngỉ kinh doanh thì mức doanh thu 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định HKD không phải nộp thuế GTGT; doanh thu tính thuế thực tế để xác định số thuế phải nộp trong năm là doanh thu tương ứng với số tháng thực tế kinh doanh. Trường hợp HKD nộp thuế khoán đã được cơ quan thuế thông báo số thuế khoán phải nộp, nếu kinh doanh không trọn năm thì được giảm thuế khoán phải nộp tương ứng với số tháng ngừng/ngỉ kinh doanh trong năm.

Trường hợp cá nhân kinh doanh theo hình thức nhóm cá nhân, hộ gia đình thì mức doanh thu 100 triệu đồng/năm trở xuống không phải nộp thuế GTGT.

Căn cứ tính thuế đối với cá nhân nộp thuế khoán là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu.

Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

Trường hợp HKD nộp thuế khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì doanh thu tính thuế được căn cứ theo doanh thu khoán và doanh thu trên hóa đơn.

Trường hợp HKD không xác định được doanh thu tính thuế khoán hoặc xác định không phù hợp thực tế thì cơ quan thuế có thẩm quyền ấn định doanh thu tính thuế khoán theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu, chi tiết các ngành nghề để áp dụng thuế GTGT theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm Thông tư 92/2015/TT-BTC

Nếu HKD kinh doanh nhiều lĩnh vực, ngành nghề thì hộ phải thực hiện khai và tính thuế theo tỷ lệ thuế tính trên doanh thu áp dụng đối với từng lĩnh vực, ngành nghề. Mặt khác HKD không xác định được doanh thu tính thuế của từng lĩnh vực, ngành nghề hoặc xác định không phù hợp với thực tế kinh doanh thì cơ quan thuế có thẩm quyền ấn định doanh thu tính thuế khoán của từng lĩnh vực, ngành nghề theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Theo đó:

Số thuế GTGT phải nộp	=	Doanh thu tính thuế GTGT	x	Tỷ lệ thuế GTGT
------------------------------	---	---------------------------------	---	------------------------

Tùy thuộc vào tình trạng của HKD mà thời điểm xác định doanh thu tính thuế có thể khác nhau:

- Đối với doanh thu tính thuế khoán thì thời điểm cá nhân thực hiện việc xác định doanh thu là từ ngày 20/11 đến ngày 15/12 của năm trước năm tính thuế.

- Đối với HKD nộp thuế khoán mới ra kinh doanh (không hoạt động từ đầu năm) hoặc HKD thay đổi quy mô, ngành nghề kinh doanh trong năm thì thời điểm thực hiện việc xác định doanh thu tính thuế khoán của năm là trong vòng 10 ngày kể từ ngày bắt đầu kinh doanh hoặc ngày thay đổi quy mô, ngành nghề kinh doanh.

- Đối với doanh thu theo hóa đơn thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm d Khoản 2 Điều 3 Thông tư 92/2015/TT-BTC.

Trước ngày 01/01/2015 phương pháp tính thuế đối với HKD là theo biểu thuế lũy tiến từng phần. Nghĩa là lấy doanh thu trừ đi chi phí đầu vào, rồi nhân với thuế suất từng ngành nghề, sau đó HKD còn được giảm trừ gia cảnh. Sau khi giảm trừ gia

cảnh, số thu nhập còn lại mới tính thuế theo tỷ lệ lũy tiến từ 5% - 10% - 15% - 20% - 25% - 30% và mức cao nhất là 35%. Nhưng điểm mới là kể từ ngày 01/01/2015, theo quy định của Thông tư 92/2015/TT-BTC, HKD nộp thuế GTGT tính trên tỷ lệ trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Rõ ràng, về lý thuyết như trên, cách tính thuế mới sẽ thiệt thòi cho hộ kinh doanh nhỏ. Thế nhưng, thực tế hoàn toàn ngược lại. Trước đây, gần như không có hộ kinh doanh nào có doanh số trên 10 triệu đồng/tháng mà không phải nộp thuế. Nguyên nhân, cách tính cũ quá rắc rối, các HKD không thể nào hiểu được cách tính thế nào, được trừ cái gì để ra số thuế phải nộp. Bởi, những cái gọi là “chi phí được trừ” đối với HKD là không thể tính được, do không thể phân biệt được cái nào là chi phí kinh doanh, cái nào là chi phí cho cuộc sống của hộ gia đình. Ví dụ, người kinh doanh dùng mặt tiền nhà ở của mình để buôn bán thì không thể xác định được chi phí mặt bằng là bao nhiêu để đưa vào chi phí được trừ trong kinh doanh; hộ kinh doanh sử dụng vốn vay để kinh doanh cũng không thể đưa lãi suất vào chi phí được trừ... Hơn nữa, phần giảm trừ gia cảnh cũng không thể xác minh được, có thể người kinh doanh được con cái họ (đang làm việc ở các tổ chức) khai là đối tượng phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh rồi nên cơ quan thuế thường không chấp nhận giảm trừ gia cảnh đối với hộ. Do vậy, dù có quy định nhưng trước đây hầu như các HKD không tính được chi phí giảm trừ, không được giảm trừ gia cảnh. Số thuế khoán trước đây hầu như phụ thuộc sự tính toán của cán bộ thuế. Để đảm bảo được số thu, hầu như các cán bộ thuế tính thuế khoán theo... quy trình ngược. Tức là, cán bộ tự ấn định hộ khoán đó phải nộp, chẳng hạn 1 triệu đồng/tháng, từ đó nhân lên rồi áp doanh số bán của hộ đó. Đương nhiên, vì không hiểu cách tính nên hộ kinh doanh tự thấy khả năng mình nộp được mức thuế đó là ký tên chấp nhận. Do vậy, trên thực tế, trước nay rất nhiều HKD có doanh số mỗi tháng dưới 30 triệu đồng, nhưng vẫn bị áp thuế khoán khoảng 1 triệu đồng/tháng, trong khi theo lý thuyết, HKD được giảm trừ gia cảnh thì doanh số dưới 30 triệu đồng/tháng không phải nộp thuế [18].

Theo cách tính thuế khoán mới của Thông tư 92/2015/TT-BTC hiện nay, HKD hiểu cách tính thuế, nắm rõ mức thuế đối với từng hoạt động kinh doanh (như phân

phối, cung cấp hàng hóa có mức thuế suất 0,5%, kinh doanh khác có mức thuế suất 1%, cho thuê nhà có mức thuế suất 5%...) thì hộ kinh doanh tự tính được số thuế của mình. Chẳng hạn với doanh số bán hàng 30 triệu đồng/tháng, nếu phân phối, cung cấp hàng hóa, hộ kinh doanh chỉ phải nộp thuế GTGT 300.000 đồng/tháng (30 triệu x 1%). Do vậy, có thể nói, khi áp dụng phương pháp khoán này, minh bạch hơn thì một số hộ khoán có thể sẽ nộp thuế ít hơn so với sự ấn định thuế không rõ ràng như trước đây.

Cũng chính phương pháp tính thuế cũ quá rắc rối nên nảy sinh tiêu cực, không ít hộ kinh doanh cá thể có doanh số lớn nhưng “quen biết” nên được ấn định thuế khoán thấp hơn vì được trừ chi phí, được giảm trừ gia cảnh... Ngược lại, một số hộ kinh doanh nhỏ lẻ bị ấn mức thuế cao, nhưng không thể hiểu hết cách tính nên không biết để khiếu nại. Đó cũng là một trong những lý do để thay đổi phương pháp tính thuế, đơn giản, tạo minh bạch, giúp các hộ kinh doanh tự tính được số thuế phải nộp của mình. Đồng thời, tinh giản bộ máy, giảm cán bộ quản lý thuế khoán.

** Về phương pháp tính thuế đối với HKD nộp thuế theo từng lần phát sinh:*

HKD nộp thuế theo từng lần phát sinh gồm: cá nhân cư trú có phát sinh doanh thu kinh doanh ngoài lãnh thổ Việt Nam; HKD không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định; cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức theo hình thức xác định được doanh thu kinh doanh của cá nhân.

Theo đó, kinh doanh không thường xuyên được xác định tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng lĩnh vực, ngành nghề và do hộ tự xác định để lựa chọn hình thức khai thuế theo phương pháp khoán hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư 92/2015/TT-BTC hoặc khai thuế theo từng lần phát sinh hướng dẫn tại Điều này. Địa điểm kinh doanh cố định là nơi cá nhân tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh như: địa điểm giao dịch, cửa hàng, cửa hiệu, nhà xưởng, nhà kho, bến, bãi, ...

Căn cứ tính thuế đối với cá nhân nộp thuế theo từng lần phát sinh là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu.

Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ được xác định theo hợp đồng bán hàng, gia công, hoa hồng, dịch vụ bao

gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội. Doanh thu tính thuế trong một số trường hợp đặc biệt được quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư 92/2015/TT-BTC.

Tỷ lệ thuế giá trị gia tăng đối với cá nhân nộp thuế từng lần phát sinh áp dụng như đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

Số thuế GTGT phải nộp	=	Doanh thu tính thuế GTGT	x	Tỷ lệ thuế GTGT
------------------------------	---	---------------------------------	---	------------------------

Thời điểm xác định doanh thu tính thuế

- Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa hoặc thời điểm lập hóa đơn bán hàng nếu thời điểm lập hóa đơn trước thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa.

- Đối với hoạt động vận tải, cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ nếu thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ trước thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ.

- Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành.

** Về phương pháp tính thuế đối với hộ kinh doanh cho thuê tài sản:*

HKD cho thuê tài sản là hộ có phát sinh doanh thu từ cho thuê tài sản bao gồm: cho thuê nhà, mặt bằng, cửa hàng, nhà xưởng, kho bãi không bao gồm dịch vụ lưu trú; cho thuê phương tiện vận tải, máy móc thiết bị không kèm theo người điều khiển; cho thuê tài sản khác không kèm theo dịch vụ.

Dịch vụ lưu trú không tính vào hoạt động cho thuê tài sản theo hướng dẫn tại điểm này gồm: cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn cho khách du lịch, khách vắng lai khác; cung cấp cơ sở lưu trú dài hạn cho sinh viên, công nhân và những đối tượng tương tự; cung cấp cơ sở lưu trú cùng dịch vụ ăn uống và/hoặc các phương tiện giải trí. Dịch vụ lưu trú không bao gồm: cung cấp cơ sở lưu trú dài hạn được coi như cơ sở thường trú như cho thuê căn hộ hàng tháng hoặc hàng năm được phân loại trong ngành bất động sản theo quy định của pháp luật về Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

Căn cứ tính thuế đối với cá nhân cho thuê tài sản là doanh thu tính thuế và tỷ lệ thuế tính trên doanh thu. Doanh thu tính thuế đối với hoạt động cho thuê tài sản được xác định như sau:

- Doanh thu tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động cho thuê tài sản là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê và các khoản thu khác không bao gồm khoản tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thỏa thuận tại hợp đồng thuê.

- Trường hợp bên thuê trả tiền thuê tài sản trước cho nhiều năm thì doanh thu tính thuế giá trị gia tăng xác định theo doanh thu trả tiền một lần.

Số thuế GTGT phải nộp	=	Doanh thu tính thuế GTGT	x	Tỷ lệ thuế GTGT
------------------------------	---	---------------------------------	---	------------------------

Thời điểm xác định doanh thu tính thuế là thời điểm bắt đầu của từng kỳ hạn thanh toán trên hợp đồng thuê tài sản.

2.1.2 Cơ sở pháp lý về quản lý thuế GTGT đối với hộ kinh doanh

Việc thực hiện quản lý thuế GTGT đối với hộ kinh doanh hiện nay chủ yếu căn cứ vào các cơ sở pháp lý sau:

STT	Tên văn bản	Nội dung
1	Luật Quản Lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 26/11/2006	Luật Quản lý thuế năm 2006
2	Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2006
3	Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế

4	Thông tư số: 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013	Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ
5	Thông tư số 80/2012/TT-BTC ngày 22/5/2012	Hướng dẫn Luật quản lý thuế về đăng ký thuế
6	Thông tư số 201/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013	Hướng dẫn thỏa thuận trước về phương pháp áp dụng giá tính thuế trong quản lý thuế
7	Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015	Hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; Hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế TNCN quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.

Ngoài ra, để quản lý thuế đối với hộ kinh doanh còn phải căn cứ vào những cơ sở pháp lý sau:

STT	Tên văn bản	Nội dung
1	Quyết định số 68/2007/QĐ-BTC ngày 01/8/2007	Quyết định của Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn”
2	Quyết định số 504/QĐ-TCT ngày 29/3/2010	Quyết định của Tổng Cục thuế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các Đội thuộc Chi cục thuế
3	Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010	Nghị định của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

4	Quyết định số 2477/QĐ-TCT ngày 03/12/2010	Quyết định của Tổng Cục thuế về việc sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục thuế trực thuộc Cục thuế; sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ của các Đội thuế Chi cục thuế
5	Nghị định số 129/2013/NĐ/CP ngày 16/10/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế
6	Quyết định số 2371/QĐ-TCT ngày 18/12/2015	Quyết định của Tổng Cục thuế về việc ban hành quy trình quản lý thuế đối với hộ kinh doanh.

** Về cơ quan quản lý thuế:*

Bộ máy quản lý thuế được tổ chức thành ba cấp từ Trung ương đến địa phương, từ Tổng cục thuế đến Cục thuế và cuối cùng là Chi cục thuế. Tổng cục thuế phụ trách quản lý trên địa bàn lãnh thổ. Cục thuế phụ trách địa bàn tỉnh. Chi cục thuế phụ trách địa bàn quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh.

Đối với HKD, do tính chất kinh doanh trải rộng và đông đảo trên khắp địa bàn nên cần có một bộ phận chuyên môn, nắm chắc địa bàn để có thể quản lý hoạt động kinh doanh của HKD một cách chặt chẽ. Mô hình quản lý thuế đối với HKD hiện nay là các Đội thuế liên xã, phường, thị trấn trực thuộc Chi cục thuế.

Đội thuế liên xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ giúp Chi cục trưởng Chi cục thuế quản lý thu thuế đối với các HKD trên địa bàn xã, phường được phân công: xây dựng chương trình, kế hoạch công tác quản lý thuế đối với HKD; nắm tình hình sản xuất kinh doanh, lập danh sách và sơ đồ quản lý HKD; tổ chức cho HKD được đăng ký MST, hướng dẫn HKD thực hiện pháp luật về thuế; thực hiện điều tra doanh thu, ấn định thuế với trường hợp khoán ổn định thuộc phạm vi quản lý của Đội; đôn đốc việc kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế của HKD; tiếp nhận đơn ngừng nghỉ kinh doanh,

đơn xin miễn giảm thuế của các hộ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; thực hiện công khai thuế theo quy định;... [38].

Bên cạnh đó, còn một số Đội chuyên môn cùng thuộc Chi cục thuế quản lý để thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo, kiểm tra, giám sát. Ngoài ra, việc quản lý thuế đối với hộ kinh doanh còn có sự tham gia của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn.

Hội đồng tư vấn thuế có nhiệm vụ phối hợp với cơ quan thuế để tuyên truyền, phổ biến các Luật thuế tới các HKD; phối hợp đội thuế liên phường thống kê những hộ mới phát sinh hoạt động kinh doanh hoặc những hộ có thay đổi về quy mô, nội dung kinh doanh để chuyển cho cơ quan thuế xác định và phân loại quản lý; đôn đốc, vận động các HKD thực hiện kê khai, nộp thuế đầy đủ, kịp thời vào NSNN; tư vấn cho cơ quan thuế trong việc xét miễn giảm cho các HKD nộp thuế theo phương pháp khoán; tham gia với cơ quan thuế vào việc xác định số thuế phải nộp của các HKD theo phương pháp khoán cho phù hợp với thực tế kinh doanh và đảm bảo tính công bằng về thuế; phối hợp với cơ quan thuế trong việc thực hiện cưỡng chế đối với các HKD chây ỳ, không nộp thuế; phản ánh, thông báo với cơ quan thuế và các cơ quan chức năng khác các hành vi sai trái của công chức thuế.

Hiện nay các quy định về cơ quan quản lý thuế đối với HKD tương đối hoàn thiện, phù hợp với thực tiễn hoạt động của HKD; sự tham gia của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn không chỉ hỗ trợ hoạt động cho Đội thuế liên xã, phường, thị trấn mà còn có trách nhiệm giám sát cán bộ, công chức thuế hoạt động ở địa phương, hạn chế những tiêu cực có thể phát sinh.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế trên thực tế chưa phát huy được hiệu quả, còn mang tính hình thức, chủ yếu vẫn là hoạt động của cán bộ thuế và Chủ tịch Hội đồng tư vấn thuế. Do hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm nên các thành viên là cán bộ Mặt trận tổ quốc, công an và đại diện hai chủ hộ kinh doanh chưa thể hiện hết vai trò, trách nhiệm của mình.

2.2 Thực trạng thực hiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn quận Gò Vấp thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1 Những nhân tố mang tính địa phương của quận Gò Vấp ảnh hưởng, tác động đến việc thực hiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh

** Về đặc điểm kinh tế - xã hội quận Gò Vấp:*

Quận Gò Vấp là một quận nội thành ở phía Bắc thành phố Hồ Chí Minh, các mặt giáp giới như sau: phía Đông, phía Tây, phía Bắc giáp Quận 12, phía Nam giáp sân bay Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình - Bình Thạnh - Phú Nhuận.

Tổng diện tích mặt đất tự nhiên toàn quận là 1.975,85 ha. Quận Gò Vấp hiện có 16 phường, gồm các Phường: 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và Phường 17 (*không có Phường 2*). Tính đến ngày 01 tháng 1 năm 2016, tổng dân số toàn Quận là 640.542 người (330.626 nữ), với 161.825 hộ, bình quân mỗi phường khoảng 10.114 hộ với 40.034 nhân khẩu, trong đó người dân từ các tỉnh khác đến chiếm từ 35-37% dân số. (*Nguồn: Chi cục Thống kê Quận Gò Vấp*)

Từ năm 1986, bắt đầu công cuộc đổi mới được đề ra từ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, cùng với Thành phố và cả nước, Quận Gò Vấp bước vào thời kỳ với nhiều biến đổi sâu sắc và toàn diện; chuyển mạnh từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường, phát triển sản xuất hàng hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa; vừa dôn sức khắc phục những yếu kém của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, vừa tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia, góp phần thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Với mục tiêu đề ra phát huy các nguồn lực xã hội, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội gắn với chỉnh trang đô thị; tăng trưởng kinh tế hợp lý theo cơ cấu “Dịch vụ - Thương mại”, hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thông đô thị được quan tâm đầu tư, điều này đã thúc đẩy hoạt động kinh tế của Quận phát triển mạnh mẽ. Theo nội dung của Quyết định 109/2011/QĐ-UB ngày 25/2/2011 của Ủy ban nhân dân quận về quy hoạch và phát triển kinh tế quận đến năm 2020, hiện đang từng bước hình thành cụm thương mại dịch vụ tạo động lực phát triển kinh tế gồm: Hình thành Trung tâm

thương mại Ngã 6 Gò Vấp; Khu phố Chợ Hạnh Thông Tây; Hệ thống trung tâm mua sắm, giải trí Lotte, Vincom; Siêu thị Big C, Co.op; Siêu thị Văn hoá Văn Lang; nhiều cửa hàng mua bán phát triển trên các trục lộ chính, những tuyến đường có tên và những tuyến đường hẻm đã được bê tông hoá. Tính đến năm 2015, toàn quận có hơn 11.000 đơn vị thương mại dịch vụ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và 34.217 hộ kinh doanh, tỷ trọng thương mại – dịch vụ chiếm 60,1%, tốc độ tăng giá trị sản xuất các ngành kinh tế năm sau đều cao hơn năm trước, bình quân đạt 10,79% [44].

** Về hộ kinh doanh trên địa bàn quận:*

Trong giai đoạn 5 năm từ 2011 – 2015, cùng với các quận huyện khác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng HKD trên địa bàn Quận Gò Vấp gia tăng theo từng năm về số lượng và chất lượng được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 2.1: Số hộ kinh doanh được từ ngày 01/01/ 2011 đến 31/12/2015.

Năm	Số lượng đầu năm		Số cấp mới trong năm	
	Số lượng	Vốn (Tr.đồng)	Số lượng	Vốn (Tr.đồng)
2011	22,997	593,843	1,947	127,730
- Công nghiệp	2,412	40,517	228	19,296
- TM-DV	20,580	553,064	1,718	108,416
- Nông nghiệp	5	262	1	18
2012	24,257	679,270	1,441	103,200
- Công nghiệp	2,493	47,510	112	15,000
- TM-DV	21,758	631,480	1,325	87,980
- Nông nghiệp	6	280	4	220
2013	25,274	749,790	1,028	76,215
- Công nghiệp	2,581	52,617	152	9,437
- TM-DV	22,683	696,673	876	66,778
- Nông nghiệp	10	500		
2014	26,977	859,918	1,450	90,000

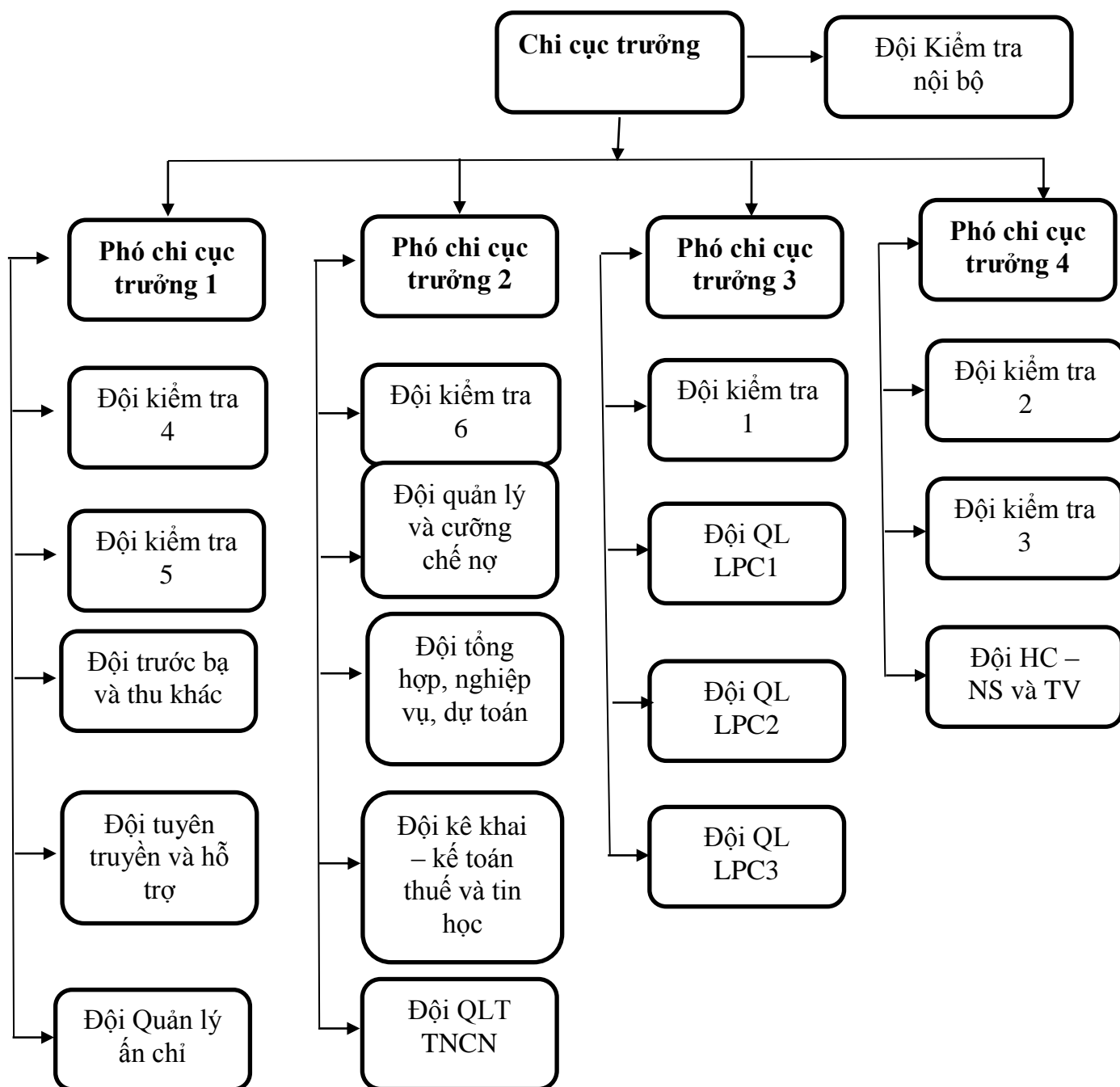
- Công nghiệp	2,749	63,605	150	8,000
- TM-DV	24,219	795,913	1,300	82,000
- Nông nghiệp	9	400		
2015	27,866	949,921	1,757	108,888
- Công nghiệp	2,954	66,203	205	9,500
- TM-DV	24,903	883,718	1,552	99,388
- Nông nghiệp	9	400		

(Nguồn: Phòng kinh tế Quận Gò Vấp)

Qua số liệu thống kê cho thấy, đóng góp của HKD đối với nền kinh tế của Quận là không hề nhỏ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, tăng nguồn thu cho ngân sách quận, giải quyết việc làm, đồng thời chung tay cùng chính quyền quận trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội như công tác giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng cơ sở hạ tầng... hướng đến xây dựng xã hội ngày càng giàu đẹp. Vì vậy, việc nuôi dưỡng nguồn thu cho ngân sách từ các HKD luôn được quận quan tâm và đảm bảo thực hiện; Tuy nhiên, thực tế áp dụng pháp luật về HKD, cụ thể là việc thực hiện thuế GTGT đối với HKD cũng như công tác quản lý thuế GTGT đối với nhóm đối tượng này vẫn còn nhiều lỗ hổng, bất cập cần phải làm sáng tỏ từ đó đề ra những giải pháp khắc phục.

** Về cơ cấu tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của Chi cục thuế quận Gò Vấp:*

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức của Chi cục thuế quận



Chi cục thuế Gò Vấp có 17 đội trực thuộc gồm: 06 đội kiểm tra doanh nghiệp, 03 đội thuế liên phường- chợ, 01 đội trước bạ và thu khác, 07 đội gián tiếp. Tổng số cán bộ công chức, lao động hợp đồng là 231 người. Trình độ chuyên môn, gồm: 01 Tiến

sĩ; 11 Thạc sĩ; 183 Đại học; 12 Cao đẳng; 11 Trung cấp. Chi cục thuế có 01 Đảng bộ gồm 40 đảng viên, có tổ chức Hội cựu chiến binh, có tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên.

Chi cục Thuế quận Gò Vấp là tổ chức trực thuộc Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh, được hình thành theo Quyết định 318/TC/QĐ/TCCB ngày 21/8/1990 của Bộ trưởng Bộ tài chính trên cơ sở Phòng thuế thương nghiệp cũ và được thành lập ngay từ ngày đầu giải phóng đất nước, có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của Ngân sách nhà nước trên địa bàn quận theo quy định của pháp luật.

** Về nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục:*

Chi cục Thuế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo qui định của Luật Quản lý thuế, các luật thuế, các qui định pháp luật khác có liên quan và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

- Tổ chức triển khai thực hiện thống nhất các văn bản qui phạm pháp luật về thuế, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế trên địa bàn; Tổ chức thực hiện dự toán thu thuế hàng năm; phân tích, đánh giá công tác quản lý thuế; Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế; Quản lý thông tin và giữ bí mật về người nộp thuế. Thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích chính sách thuế, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật thuế đối với người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân được uỷ nhiệm thu thuế; xử lý và kiến nghị xử lý đối với trường hợp vi phạm pháp luật thuế; giải quyết các khiếu nại, tố cáo về thuế theo thẩm quyền;

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán thuế, thống kê thuế; lập các báo cáo kết quả thu thuế và các báo cáo khác phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan Thuế cấp trên; Được quyền ấn định thuế, xử lý vi phạm hành chính về thuế, truy thu thuế; thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế để thu tiền thuế nợ, tiền phạt vi phạm hành chính thuế; Được quyền yêu cầu người nộp thuế

cung cấp sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến việc tính thuế, nộp thuế;

- Quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, truy thu thuế, gia hạn thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, gia hạn thời hạn nộp thuế, khoan nợ, giãn nợ, xoá tiền nợ thuế, tiền phạt theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được giao [37].

** Về thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2015:*

Thực hiện Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2015 và Thông báo số 13721/TB-CT ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao nhiệm vụ thu ngân sách Nhà nước năm 2015. Chi cục Thuế Gò Vấp đã thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2015 với kết quả như sau:

Bảng 2.2: Công tác thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2015 của Chi cục thuế.

Chỉ tiêu	Dự toán năm 2015	Thực hiện năm 2015	% TH so DT năm 2015	% TH năm 2015 so cùng kỳ
<i>Dvt: triệu đồng</i>				
Tổng cộng	1,279,000	1,713,552	134.0%	119.4%
1/- CTN -NQD	850,000	794,221	93.4%	102.5%
- Thuế TNDN	213,900	177,181	82.8%	85.5%
- Thuế Tài Nguyên		396		
- Thuế GTGT	598,700	546,199	91.2%	107.5%
- Thuế TTĐB	1,400	8,623	615.9%	555.6%
- Thuế Môn bài	20,000	23,296	116.5%	107.7%
- Thu khác	16,000	38,526	240.8%	106.5%
2/-TNCN	116,000	169,508	146.1%	144.3%
3/-TIỀN SD ĐẤT	49,000	357,788	730.2%	174.8%
4/-THUẾ SDĐ PHI NN	7,000	7,315	104.5%	92.0%
THUẾ NHÀ ĐẤT		193		

5/- TIỀN THUÊ ĐẤT	20,000	25,547	127.7%	98.4%
6/- LP TRƯỚC BẠ	185,000	280,357	151.5%	144.0%
7/- PHÍ, LỆ PHÍ	30,000	56,055	186.9%	76.1%
8/- THU KHÁC NS	22,000	22,037	100.2%	63.5%
9/- THUẾ CQSD ĐẤT		51		212.5%
10/- THUẾ BVMT		480		

(Nguồn: Báo cáo tổng kết của Chi cục thuế Gò Vấp năm 2015)

Qua số liệu trên cho thấy tình hình thực hiện thuế Công thương nghiệp-Ngoài quốc doanh năm 2015 nói chung tăng 102,5 % so cùng kỳ năm trước do Chi cục Thuế đã triển khai các biện pháp quản lý thu đồng bộ như: phát động các phong trào thi đua toàn cơ quan, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp cụ thể cho từng quý và cả năm; tập trung chỉ đạo công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; tích cực áp dụng các biện pháp thu hồi nợ thuế; tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu thuế, kiểm tra các doanh nghiệp có doanh số lớn, các doanh nghiệp khai lỗ trong nhiều năm; ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý đã góp phần trong việc khai thác nguồn thu. Tuy nhiên so với dự toán năm 2015 chỉ đạt 93,4% dự toán, trong đó thuế GTGT cũng không đạt so với dự toán năm một phần là do ảnh hưởng của tình hình kinh tế xã hội năm 2015 vẫn còn khó khăn, doanh nghiệp, HKD ngừng hoạt động, giải thể tiếp tục tăng, thực hiện Luật số 71/2014/QH13 có hiệu lực 01/01/2015 bãi bỏ quy định khống chế khoản chi quảng cáo tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới. . . liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2.2 Thực trạng thực hiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh tại quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

2.2.2.1 Tình hình thực hiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh tại quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

Pháp luật thuế GTGT là một luật thuế hoàn toàn mới trong lịch sử pháp luật tài chính nước ta và trong nhận thức của người dân. Vì vậy, việc thực hiện các luật thuế mới nói chung và Luật thuế GTGT nói riêng sẽ có tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế xã hội của đất nước và những khó khăn bước đầu là không tránh khỏi.

Sau những năm thực hiện Luật thuế GTGT ở nước ta đã cơ bản đáp ứng được những yêu cầu về lý luận của pháp luật thuế GTGT cả về cấu trúc bên trong lẫn những biểu hiện bên ngoài. Các quy định của pháp luật thuế GTGT phản ánh đúng những nội dung, yêu cầu của chính sách kinh tế, tài chính nói chung và chính sách thuế nói riêng cũng như thể hiện được mục tiêu, định hướng cơ bản trong chủ trương đường lối phát triển kinh tế của Đảng. Pháp luật thuế GTGT cơ bản đã phản ánh được bản chất của thuế GTGT cũng như cơ chế vận hành của thuế GTGT. Các quy định của pháp luật thuế GTGT luôn tính đến các giải pháp qua đó nhằm áp dụng tốt nhất thuế GTGT trong điều kiện thực tế như quy định hai phương pháp tính thuế, quy định khấu trừ không, mở rộng diện miễn giảm thuế v.v...

Những năm gần đây, công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế rất được Chi cục thuế quan tâm thực hiện và đặc biệt chú trọng các nội dung, mục tiêu trong Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020.

Có thể minh họa tình hình hộ kinh doanh thực hiện thuế GTGT trên địa bàn quận Gò Vấp như sau:

Bảng 2.3: Tình hình hộ kinh doanh thực hiện thuế GTGT trên địa bàn quận Gò Vấp.

Năm	Số hộ được cấp MST (Đơn vị: hộ)	Dự toán thuế GTGT (Đơn vị: triệu đồng)	Thực hiện so với dự toán (Đơn vị: triệu đồng)	Tỷ lệ
2013	27.997	60,232	55,940	92,8%
2014	29.714	70,346	66,981	95.2%
2015	30.562	75,250	72,460	96.2%

(Nguồn: Báo cáo của Chi cục thuế trong các năm 2013, 2014, 2015)

Qua biểu trên ta thấy, HKD trên địa bàn quận tăng hàng năm, đồng thời việc thực hiện so với dự toán thuế GTGT năm sau cũng cao hơn năm trước, điều này cũng đã chứng tỏ sự nỗ lực của Chi cục thuế trong công tác triển khai các biện pháp quản lý thu đồng bộ như: phát động các phong trào thi đua toàn cơ quan, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp cụ thể cho từng quý và cả năm; tập trung chỉ đạo công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; tích cực áp dụng các biện pháp thu hồi nợ thuế; tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu thuế và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý đã góp phần trong việc khai thác nguồn thu.

** Quản lý đối tượng nộp thuế:*

Với đặc trưng của HKD là mô hình tổ chức đơn giản, trình độ quản lý thấp, luôn biến động phụ thuộc vào quy luật cung cầu cùng với tính tự giác chấp hành luật pháp chưa cao. Vì vậy, để HKD hiểu rõ về các chính sách thuế thì công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là rất quan trọng, góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý. Đồng thời ngày từ đầu Chi cục đã chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ kết hợp với các ngành, cơ quan chức năng như: UBND phường, Hội đồng tư vấn thuế 16 phường, các ban quản lý chợ, cơ quan thống kê, cơ quan cấp giấy chứng nhận ĐKKD, đội quản lý thị trường phối hợp để thực hiện phân loại, rà soát, đề nghị các HKD chấp hành nghĩa vụ thuế theo quy định, nhằm đưa các đối tượng này vào diện quản lý.

Bảng 2.4: Tình hình tỷ lệ HKD thực hiện đăng ký thuế.

Năm	Số hộ thực tế kinh doanh <i>(Đơn vị: hộ)</i>	Số hộ đăng ký thuế <i>(Đơn vị: hộ)</i>	Tỷ lệ %
2013	32.489	27.997	86,2%
2014	33.466	30.714	88,7%
2015	34.217	31.562	89,3%

(Nguồn: Báo cáo của Chi cục thuế và Phòng thống kê quận Gò Vấp trong các năm 2013, 2014, 2015)

Qua biểu trên, ta thấy tình hình quản lý đối với đối tượng nộp thuế là hộ kinh doanh trên địa bàn quận có tiến bộ qua các năm; Việc nhận thức công tác quản lý đối tượng nộp thuế là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo nguồn thu cho NSNN đồng thời duy trì sự công bằng trong xã hội, nên việc bám sát địa bàn thường xuyên của cán bộ quản lý được Chi cục thuế quận luôn đề cao, mục đích nắm sát tình hình, khả năng hoạt động, phát hiện những hộ mới ra kinh doanh, kịp thời hướng dẫn đối tượng kê khai, đăng ký thuế và đưa vào diện quản lý. Theo báo cáo của Chi cục thuế quận trong năm 2015, Chi cục đã xử lý phạt chậm nộp tờ khai 153 trường hợp với số tiền phạt là 641 triệu đồng .

Để tránh tình trạng giảm, mất đối tượng nộp thuế do xin nghỉ, tạm nghỉ kinh doanh, Chi cục đã tăng cường công tác kiểm tra hộ xin nghỉ, tạm ngưng, giải thể bằng cách thực hiện chặt chẽ quy trình đối với hộ như: phải có đơn xin nghỉ đã được Hội đồng tư vấn thuế xác nhận, danh sách hộ nghỉ được kiểm tra thường xuyên, lãnh đạo Chi cục ra quyết định miễn, giảm thuế hộ kinh doanh mới được miễn giảm thuế. Với những trường hợp đã xin nghỉ nhưng vẫn kinh doanh đã được xử lý thích đáng theo quy định của Luật. Tuy vậy, công tác quản lý đối tượng nộp thuế của Chi cục vẫn còn những hiện tượng bỏ sót hộ báo xin nghỉ, tạm ngưng nhưng vẫn hoạt động kinh doanh, là do một số nguyên nhân sau:

Nguyên nhân chủ quan:

- Trong công tác quản lý còn có những cán bộ chưa nhận thức đúng trách nhiệm của mình, thiếu sâu sát địa bàn, không phát hiện kịp thời những diễn biến phát sinh trong phạm vi địa bàn quản lý. Đội thuế, cán bộ quản lý chưa chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để tăng cường sự hỗ trợ, thiếu sức thuyết phục và chưa cương quyết trong việc xử lý sai phạm, cá biệt còn có những cán bộ “hợp pháp hoá” cho việc vi phạm của các đối tượng nộp thuế.

- Việc xác nhận đơn xin nghỉ, tạm ngưng kinh doanh còn quá đơn giản, việc xác minh của cơ quan phối hợp chưa được phát huy, công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng tư vấn thuế phòng đối với các trường hợp trên còn thiếu sót và chưa thường xuyên.

- Do lực lượng cán bộ quản lý còn quá mỏng trong khi phải quản lý số lượng đối tượng nộp thuế quá lớn, hoạt động của cán bộ thuế thường phải làm việc đơn lẻ, phân tán đã gây khó khăn cho công tác quản lý.

Nguyên nhân khách quan:

- Do ý thức của các đối tượng kinh doanh chưa tự giác thực hiện các yêu cầu của pháp luật, thậm chí cố tình lẩn tránh sự kiểm tra.

- Số lượng đối tượng có qui mô nhỏ rất lớn, hoạt động không ổn định, không thường xuyên, luôn biến động.

- Công tác cấp giấy chứng nhận ĐKKD chưa phát huy được hiệu quả, chưa triệt để xử lý nghiêm minh các đối tượng kinh doanh không đăng ký theo quy định.

** Quản lý doanh thu tính thuế:*

Trong những năm gần đây, số HKD không chỉ biến động về số lượng mà còn biến động cả về qui mô kinh doanh. Qua phân tích về tình hình quản lý đối tượng nộp thuế, ta thấy Chi cục thuế Gò Vấp đã có những cố gắng trong việc chống thất thu về đối tượng nộp thuế, song cũng cần có những biện pháp để hoàn thiện khâu này, hạn chế tối đa việc thất thu về hộ bởi vì nó là tiền đề, là điều kiện cho việc quản lý các bước tiếp theo trong công tác quản lý thu thuế.

Để hiểu biết hết tình hình quản lý thu thuế GTGT của chi cục thuế quận Gò Vấp, ta hãy xem xét nhân tố thứ hai của công tác quản lý thuế đó là doanh thu tính thuế .

Công tác quản lý doanh thu tính thuế tại chi cục thuế được tiến hành theo hai cách:

Phân loại theo ngành nghề kinh doanh:

Bảng 2.5: Tình hình doanh thu giữa các ngành nghề kinh doanh.

Ngành	Năm 2014		Năm 2015		So sánh năm 2014 và 2015	
	Doanh thu (Đơn vị: Triệu đồng)	% doanh thu so với tổng số doanh thu	Doanh thu (Đơn vị: ngàn đồng)	% doanh thu so với tổng số doanh thu	Số tuyệt đối	Số tương đối
Thương nghiệp	1.854.262	72,7%	2.084.149	73,5%	+229.887	112,4%
Dịch vụ	360.741	14,1%	383.835	13,5%	+23.094	106,4%
Ăn uống	243.205	9,5%	272.682	9,6%	+29.477	112,1%
Sản xuất	88.999	3,7%	97.285	3,4%	+8.286	109,3%
Cộng	2.549.207		2.837.951		+290.774	111,4%

(Nguồn: Báo cáo của Chi cục thuế trong các năm 2014, 2015)

Mức độ biến động doanh thu giữa các ngành như sau:

Năm 2014 so với năm 2015 doanh thu tăng 290.774 triệu đồng, tương ứng với 111,4 % chủ yếu ở các ngành:

- + Ngành thương nghiệp tăng: 229.887 triệu đồng.
- + Ngành ăn uống tăng : 29.477 triệu đồng.
- + Ngành dịch vụ tăng : 23.094 triệu đồng.

Doanh thu của các ngành tăng lên là do: Sang năm 2015 Chi cục đã phối hợp cùng với UBND 16 phường tăng cường việc rà soát lại doanh thu đối với các đối tượng kinh doanh trong toàn quận để đưa vào tính thuế sát với thực tế hơn.

Cũng từ số liệu trên cho chúng ta thấy tỷ lệ doanh thu cũng tăng mạnh ở ngành thương nghiệp là 12,4% và ngành ăn uống là 12,1%, ngành thương nghiệp có doanh thu chiếm tỷ trọng 73,5% so với tổng doanh thu của tất cả các ngành, chứng tỏ thế mạnh về kinh tế của quận là buôn bán và phản ánh đúng hướng đi của kinh tế quận là chuyển dịch theo hướng “Thương mại- Dịch vụ”. Ngành sản xuất trong năm 2015 doanh thu cũng tăng nhẹ, tuy nhiên so với tổng doanh thu trong năm đã giảm, lý do mật độ dân cư của quận ngày càng đông, do định hướng chuyển dịch của cơ cấu kinh tế của quận nên một số cơ sở sản xuất nhỏ lẻ gây ô nhiễm môi trường hoạt động xen cài trong khu dân cư đã ngưng hoạt động hoặc thực hiện di dời. Từ việc phân loại theo ngành nghề sẽ giúp cho Chi cục nắm được tình hình biến động của thị trường, từ đó có biện pháp chỉ đạo tập trung và làm cơ sở cho việc lập giao kế hoạch thu của từng khu vực, từng thời điểm sát với thực tế của từng đội quản lý.

Phân loại theo phương pháp thu thuế:

Đặc điểm của HKD có nhiều loại hình khác nhau, mức độ và tính chất kinh doanh cũng khác nhau. Đa phần chưa mở sổ sách kế toán theo qui định hoặc mở không đầy đủ, thiếu chính xác, thiếu độ tin cậy làm căn cứ tính thuế. Để khắc phục nhược điểm đó, hiện nay Chi cục đang áp dụng 2 phương pháp chủ yếu để quản lý thuế:

- Phương pháp khoán trên doanh thu.
- Phương pháp kê khai trực tiếp, gồm:
 - Kê khai trực tiếp trên doanh thu
 - Kê khai trực tiếp trên GTGT.

Bảng 2.6: Tỷ lệ HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai và phương pháp khoán.

Năm	Tỷ lệ hộ kê khai	Tỷ lệ hộ ghi bộ của hộ kê khai	Tỷ lệ hộ khoán	Tỷ lệ hộ ghi bộ của hộ khoán
2013	28,74%	39,65%	71,26%	60,35%
2014	26,82%	37,98%	73,18%	62,02%
2015	23,03%	43,57%	76,97%	56,43%

(Nguồn: Báo cáo của Chi cục thuế trong các năm 2013, 2014, 2015)

Qua minh họa ta có thể thấy đa phần HKD trên địa bàn quận nộp thuế theo phương pháp khoán trên doanh thu.

Phương pháp khoán trên doanh thu:

Các HKD nộp thuế theo phương pháp khoán (gọi chung là hộ nộp thuế khoán) bao gồm:

- HKD không có ĐKKD hoặc không phải ĐKKD, không đăng ký thuế, đã được cơ quan thuế đơn đốc nhưng quá thời hạn theo thông báo đơn đốc của cơ quan thuế, HKD, cá nhân kinh doanh vẫn không thực hiện đăng ký thuế.

- HKD không thực hiện chế độ kế toán hoá đơn, chứng từ.

- HKD không thực hiện nộp tờ khai thuế theo quy định.

- HKD có mở sổ sách kế toán, nhưng qua kiểm tra của cơ quan thuế thấy thực hiện không đúng chế độ kế toán, không thực hiện đúng và đầy đủ hoá đơn, chứng từ khi mua bán hàng hoá, dịch vụ, kê khai thuế không chính xác, trung thực; cơ quan thuế không thể căn cứ vào sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ để xác định số thuế phải nộp phù hợp với thực tế kinh doanh.

- Hộ gia đình, cá nhân khai thác tài nguyên thủ công, phân tán, lưu động, không thường xuyên.

Để thấy rõ tình hình quản lý theo phương pháp khoán trên doanh thu ta xem xét trường hợp HKD có sử dụng hóa đơn quyền tuy nhiên bán hàng bao nhiêu thì xuất hóa đơn bấy nhiêu do bán hàng cho các doanh nghiệp. Doanh thu khoán hàng tháng cũng chính là doanh thu thực tế ghi trên hóa đơn hàng tháng.

Với trường hợp này, Theo điểm 1.2 khoản 2 Điều 2 Thông tư 92/2015/BTC quy định “Trường hợp cá nhân nộp thuế khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì doanh thu tính thuế được căn cứ theo doanh thu khoán và doanh thu trên hóa đơn”. Như vậy, theo tinh thần của quy định pháp luật này thì hộ kinh doanh có sử dụng hóa đơn quyền thì có 02 khoản doanh thu, một là doanh thu không xuất hóa đơn và hai là doanh thu xuất hóa đơn. Theo đó hàng tháng HKD phải nộp thuế khoán cho khoản doanh thu không xuất hóa đơn và khoản thuế căn cứ vào doanh thu ghi trên hóa đơn.

Đồng thời theo công văn số 16906/BTC-TCT ngày 16/11/2015 thì đối với HKD có sử dụng hóa đơn quyền của cơ quan thuế, mức doanh thu khoán năm được xây dựng trên cơ sở doanh thu khoán không bao gồm doanh thu do sử dụng hóa đơn quyền năm trước. Đối với doanh thu không xuất hoá đơn: cơ quan thuế xây dựng mức thuế khoán dựa trên cơ sở số liệu tự kê khai của HKD và tài liệu điều tra khảo sát của cơ quan thuế sẽ được tham vấn của Hội đồng tư vấn thuế xã phường. Đối với doanh thu xuất hóa đơn thì căn cứ vào doanh thu hóa đơn để xác định doanh thu tính thuế. Trường hợp HKD xuất hóa đơn cho toàn bộ hàng hóa bán ra thì nên lựa chọn hình thức lên doanh nghiệp để tự kê khai theo thực tế kinh doanh. Nếu vì kinh doanh nhỏ không lên doanh nghiệp thì hộ tự xác định một mức thuế khoán theo quy định tại Thông tư 92/2015/BTC.

Các nội dung HKD nộp thuế theo phương pháp khoán như sau:

Thứ nhất, về khai thuế: HKD khai thuế khoán ổn định 1 lần/ năm theo tờ khai do cơ quan thuế cung cấp từ ngày 20/11 đến ngày 5/12 hàng năm. Doanh thu và mức thuế khoán năm là doanh thu và mức thuế không bao gồm doanh thu và thuế do sử dụng hóa đơn.

Việc phát Tờ khai được Chi cục Thuế phối hợp với UBND phường, Ban quản lý chợ thành lập Tổ công tác phát tờ khai. Khi phát Tờ khai thuế, Tổ công tác có trách nhiệm hướng dẫn và giải đáp kịp thời cho HKD, đồng thời phải có ký xác nhận của HKD đã nhận tờ khai thuế.

Thứ hai, về nộp hồ sơ khai thuế: Chi cục Thuế phối hợp UBND phường thành lập Tổ công tác tiếp nhận Tờ khai thuế để thực hiện việc tiếp nhận Tờ khai thuế tại Trụ sở UBND. HKD nộp Tờ khai thuế ổn định đầu năm đến Tổ công tác tiếp nhận tờ khai thuế đặt tại UBND xã, phường, thị trấn chậm nhất là ngày 15/12 hàng năm.

HKD mới ra kinh doanh hoặc có thay đổi kinh doanh trong năm thì nộp Tờ khai thuế phát sinh trong năm đến Đội thuế liên phường chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày mới ra kinh doanh. HKD sử dụng hóa đơn quyền của cơ quan thuế nộp Báo cáo sử dụng hóa đơn theo quý đến Bộ phận “một cửa” của Chi cục Thuế chậm nhất là ngày thứ 30 của quý tiếp theo.

Tổ công tác có trách nhiệm hướng dẫn chủ HKD trực tiếp nộp Tờ khai thuế, ký xác nhận vào Danh sách nộp tờ khai và đóng dấu tiếp nhận vào Tờ khai.

Đối với những địa bàn, ngành nghề kinh doanh đặc thù như chợ đêm, chợ đầu mối, kinh doanh ngoài giờ hành chính, Chi cục thuế thành lập Tổ công tác làm việc ngoài giờ hành chính để đáp ứng việc phát và tiếp nhận Tờ khai thuế của HKD.

Thứ ba, về nguyên tắc xác định doanh thu khoán: Mức doanh thu khoán năm được xây dựng trên cơ sở: mức doanh thu khoán năm trước; mức doanh thu do cá nhân tự khai của năm; cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế; dự báo tình hình tăng trưởng kinh tế và chỉ số giá; ý kiến tham vấn của Hội đồng tư vấn thuế phường, Ban quản lý chợ.

Đối với HKD có sử dụng hóa đơn quyền của cơ quan thuế, mức doanh thu khoán năm được xây dựng trên cơ sở doanh thu khoán không bao gồm doanh thu do sử dụng hóa đơn quyền năm trước đó, cơ quan thuế hướng dẫn HKD tự xác định, khai doanh thu khoán không bao gồm doanh thu do sử dụng hóa đơn của năm. Trường hợp HKD xác định doanh thu khoán không bao gồm doanh thu do sử dụng hóa đơn của năm không phù hợp, cơ quan thuế tham vấn Hội đồng tư vấn thuế phường và căn cứ mức độ kinh doanh, quy mô doanh thu của các HKD trên cùng địa bàn có cùng điều kiện để ấn định doanh thu và mức thuế khoán phù hợp thực tế theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, về nộp thuế: HKD nộp tiền thuế vào NSNN hoặc nộp thuế qua tổ chức ủy nhiệm thu (nếu có) theo Thông báo của cơ quan thuế. Thông báo của cơ quan thuế được gửi đến HKD chậm nhất là ngày 20/1 hàng năm hoặc ngày 20 hàng tháng đối với HKD mới ra kinh doanh trong năm.

Sau khi nộp tiền thuế vào NSNN, HKD được nhận chứng từ nộp thuế là Giấy nộp tiền có xác nhận của Ngân hàng thương mại/Kho bạc Nhà nước để làm căn cứ xác định HKD đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Trường hợp HKD nộp qua tổ chức ủy nhiệm thu thì HKD sẽ nhận được Biên lai nộp tiền có xác nhận của tổ chức ủy nhiệm thu.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc và có ý kiến phản hồi về doanh thu và mức thuế khoán, HKD liên hệ với cơ quan thuế để được giải đáp. Cơ

quan thuế có trách nhiệm giải đáp chậm nhất là trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi.

Việc quản lý doanh thu đối với phương pháp khoán là rất phức tạp, để có được mức doanh thu khoán hợp lý cho từng hộ phải thực hiện qua nhiều bước, nhiều bộ phận cùng tham gia xem xét để có mức doanh thu hợp lý. Nhưng nếu thực hiện tốt, sẽ mang lại hiệu quả cho việc quản lý doanh thu, đồng thời tạo được tâm lý ổn định cho các đối tượng nộp thuế theo phương pháp này.

Ta hãy xem xét kết quả quản lý doanh thu hộ khoán của Chi cục thuế quận qua biểu sau:

Bảng 2.7: Tình hình quản lý doanh thu hộ khoán của Chi cục thuế quận.

Diễn giải <i>(Đơn vị: triệu đồng)</i>	Năm 2014	Năm 2015	% so sánh giữa 2014 và 2015
Doanh thu	1.759.215	2.009.989	114,2%
Thuế GTGT	41.358	45.604	110,2%

(Nguồn: Báo cáo của Chi cục thuế trong các năm 2014, 2015)

Biểu trên ta thấy doanh thu và thuế GTGT của HKD trong năm 2015 tăng hơn so với năm 2014; Nguyên nhân năm 2015, Chi cục đã thực hiện phổ biến chính sách thuế về HKD cho các hộ nộp thuế theo phương pháp khoán trên địa bàn quận Gò Vấp, thực hiện công tác ổn định lại mức doanh thu cho các hộ khoán trước khi quyết định mức doanh thu ổn định. Đồng thời Chi cục triển khai công tác lập sổ thuế cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán năm 2016 theo kế hoạch số 12114 /CCT-NVDT-TNCN ngày 21/10/2015 của Chi cục Thuế; triển khai thực hiện công văn số 3967/TCT-TNCN ngày 25/9/2015 của Tổng cục Thuế về quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán; công khai doanh thu, thuế hộ khoán đến từng cá nhân kinh doanh theo công văn số 6896/CT-THNVDT ngày 04/08/2015 của Cục Thuế. Cụ thể thực hiện công khai thông tin các cá nhân kinh doanh trên trang thông tin điện tử của ngành thuế theo mức doanh thu và số thuế phải nộp. Bên cạnh đó

còn thực hiện công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân 16 Phường, Ban quản lý các chợ và tại trụ sở của Chi cục Thuế.

Ngoài ra Chi cục đã thực hiện chặt chẽ qui trình như: điều tra doanh thu điển hình của từng ngành hàng, tham khảo ý kiến Hội đồng tư vấn thuế các phường, ban quản lý các chợ, các nguyên nhân trên đã đưa được mức doanh thu của hộ khoán năm 2015 tăng lên đáng kể và sát với thực tế kinh doanh hơn.

Phương pháp kê khai trực tiếp:

Phương pháp kê khai trực tiếp trên GTGT được áp dụng cho những HKD thực hiện lưu giữ đủ hoá đơn, chứng từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và có đầy đủ hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá, dịch vụ đầu vào xác định được GTGT trong kỳ. Tuy nhiên, đa phần các hộ kinh doanh trên địa bàn quận không đáp ứng được yêu cầu này do không thực hiện đầy đủ các chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào. Ví dụ: HKD vàng, bạc, đá quý; vì vàng, bạc, đá quý là loại hàng hóa đặc biệt: vừa là hàng hóa vừa là phương tiện thanh toán; rất khó kiểm soát giá; Giao dịch mua bán vàng bạc, đá quý thường là các giao dịch nhỏ lẻ, không có đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào (vì khách hàng thường không lưu giữ chứng từ hóa đơn). Do vậy HKD đa phần thực hiện phương pháp kê khai trực tiếp trên doanh thu.

HKD áp dụng phương pháp kê khai trực tiếp trên doanh thu là những hộ thực hiện lưu giữ đủ hoá đơn, chứng từ bán hàng, cung cấp dịch vụ nhưng không có đủ hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá, dịch vụ đầu vào nên không xác định được GTGT trong kỳ thì áp dụng khai thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu; những hộ sản xuất kinh doanh lớn và nhỏ nhưng doanh thu bình quân tháng cao hơn so với hộ khoán và thực hiện tốt chế độ sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. Trường hợp một số hộ sản xuất kinh doanh nhỏ nhưng thực hiện tốt chế độ sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ cũng được tính theo phương pháp kê khai, đa phần các HKD trên địa bàn quận thực hiện phương pháp kê khai là những hộ kinh doanh vàng bạc, đá quý, hộ cho thuê mặt bằng có doanh thu ổn định...

Việc tính thuế theo phương pháp này có căn cứ chính xác hơn, tạo điều kiện cho cơ sở kinh doanh tự kiểm tra, tự kê khai, tự nộp thuế, nên việc xác định doanh số

tương đối sát với thực tế phát sinh. Từ đó tạo được cơ sở pháp lý và tâm lý cho đơn vị kinh doanh không phải hiệp thương thoả thuận và bị ấn định về mức doanh thu, mức thuế với cơ quan thuế.

Bảng 2.8: Tình hình quản lý hộ kê khai doanh thu.

(Đơn vị: triệu đồng)

Diễn giải	Năm 2014	Năm 2015	% so sánh giữa 2014 và 2015
Doanh thu	789.992	827.962	104,8%
Thuế GTGT	28.988	29.646	102,3%

(Nguồn: Báo cáo của Chi cục thuế trong các năm 2014, 2015)

Nhận xét: Doanh thu và thuế GTGT năm 2015 tăng so với năm 2014 là do chi cục thuế Gò Vấp đã thực hiện tốt những vấn đề sau:

- Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền vận động đối tượng nộp thuế hiệu và thực hiện chế độ sổ sách kế toán, sử dụng hoá đơn chứng từ khi mua bán hàng hoá.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai nộp thuế của đối tượng nộp thuế và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kê khai không đúng thực tế doanh số phát sinh. Năm 2015, trong khi điều tra doanh số điển hình cho những hộ khoán đã đưa một số hộ có doanh số lớn trước đây đang thu khoán nay chuyển sang thu theo kê khai để thực hiện công bằng mức đóng góp.

Tuy nhiên, đây mới là kết quả bước đầu khi thực hiện Luật thuế của Chi cục. Trong thực tế, vẫn còn những hộ cố tình kê khai doanh thu thấp hơn thực tế kinh doanh. Việc cố tình kê khai không chính xác thường được biểu hiện ở những nguyên nhân sau:

- Đối tượng mua hàng của các HKD chủ yếu là người tiêu dùng. Do đó, việc yêu cầu hoá đơn chưa trở thành thói quen và chưa thực sự cần thiết đối với người mua hàng.

- Việc ghi chép hoá đơn không đúng qui định của đối tượng kinh doanh còn nhiều, trong khi đối chiếu giữa liên 1 và liên 2 là rất khó khăn đối với cán bộ quản lý thuế.

- Một số hộ kinh doanh hoạt động dưới hình thức hàng hoá mua của cơ sở này song lại vận chuyển giao ngay cho cơ sở khác, cán bộ thuế rất khó phát hiện doanh thu ẩn, lậu.

- Việc quản lý hoá đơn của cơ quan thuế còn lỏng lẻo, tạo kẽ hở cho các đối tượng kinh doanh, có trường hợp khai báo mất hoá đơn giả để qua hiện tượng mất hoá đơn này, cơ sở giấu được doanh số, nhất là những tờ có doanh số lớn.

Từ những hiện tượng trên đã gây ảnh hưởng không ít đến việc quản lý doanh thu của Chi cục thuế quận.

Để chứng minh được điều này, ta xem xét kết quả kiểm tra doanh thu điển hình của một số hộ sau:

Bảng 2.9: Tình hình chênh lệch doanh thu của các hộ sau điều tra.

(Đơn vị: ngàn đồng)

Tên HKD	Ngành nghề	Doanh thu kê khai/ tháng	Doanh thu điều tra	% doanh thu chênh lệch
Lê Văn Hải	Vàng, bạc	3.500.000	5.000.000	30%
Hồ Thị Cúc	Cho thuê mặt bằng	15.000	18.000	16,7%
Lê Thị Tuyết Thi	Cho thuê ô tô	30.000	45.000	33,4%
Nguyễn Văn Bông	Bán dược, mỹ phẩm	70.000	120.000	41,7%
Phạm Quốc Nghĩa	Bán, buôn vật liệu xây dựng	250.000	320.000	21,9%
Cộng		3.865.000	5.503.000	29,8%

(Nguồn: Báo cáo điều tra của Chi cục thuế trong năm 2014)

Qua bảng điều tra trên ta thấy: doanh số điều tra so với doanh số kê khai tăng 29,8% như vậy tình hình thất thu ngân sách trên toàn quận còn nhiều. Vì vậy, Chi cục cần duy trì thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai nộp thuế của đối tượng nộp thuế và xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm kê khai không đúng thực tế doanh số phát sinh để hạn chế tình trạng thất thu và đảm bảo nguồn thu cho ngân sách.

** Quản lý nộp tiền thuế và nợ đọng:*

Công tác quản lý nộp tiền thuế và nợ thuế là một trong bốn chức năng cơ bản của quản lý thuế, sau khi đã thực hiện tốt việc quản lý đối tượng và doanh thu thì quản lý được việc nộp thuế và kết quả đem lại từ việc đôn đốc thu nợ là một trong những thước đo cơ bản để đánh giá chất lượng và hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý các sắc thuế nói chung và việc thực hiện thuế GTGT nói riêng. Thực hiện tốt công tác này đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời tiền thuế cho NSNN nhằm chống thất thu thuế, đảm bảo công bằng giữa các đối tượng nộp thuế.

Bảng 2.10: Tình hình nợ thuế so với doanh thu.

(Đơn vị: triệu đồng)

Diễn giải	Năm 2014	Năm 2015
Ghi thu	70.346	750.250
Thực thu	66.981	72.460
Thu nợ	2.394	3.069
Nợ	1.176	2.219
% Nợ so với doanh thu	1,67%	2,9%

(Nguồn: Báo cáo của Chi cục thuế trong các năm 2014, 2015)

Qua các phân tích ta thấy số lượng HKD trên địa bàn quận tăng hàng năm, chiếm tỷ trọng lớn về mặt số lượng nhưng tỷ lệ ghi bộ so với số thu của toàn Chi cục lại thấp. Bên cạnh đó tình hình thu nộp thuế qua 2 năm 2014 và năm 2015 của Chi cục thuế đều có số nợ đọng. Mặc dù Chi cục thuế và UBND 16 phường trên địa bàn quận đã thành

lập Ban chỉ đạo thu thuế nợ đọng, huy động cả lực lượng cảnh sát khu vực, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tham gia nhưng số thuế nợ đọng của HKD trên địa bàn quận hàng năm đều tăng. Tỷ lệ so sánh năm 2014 và năm 2015 là 188%, nguyên nhân do:

- Cán bộ quản lý chưa đôn đốc triệt để các đối tượng nộp thuế vào Ngân sách kịp thời, chưa nghiêm khắc xử lý các trường hợp cố tình nộp chậm thuế.

- Hầu hết số thuế nợ rơi vào những HKD buôn bán nhỏ, khó thu, một số hộ nghỉ hẳn, bỏ mặt bằng, không có khả năng thu hồi nợ. Bên cạnh đó HKD nhỏ lẻ, số thuế lập bộ hàng tháng ít, nhưng nợ thuế nhiều tháng nên rất khó triển khai áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế, chủ yếu là kiên trì vận động, đôn đốc thu nợ thuế.

- Việc quản lý thu nộp thuế hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn HKD chưa được đào tạo bài bản về kinh tế tài chính, ý thức chấp hành pháp luật thuế của một bộ phận người nộp thuế chưa cao, chưa tự giác, nhiều trường hợp vi phạm chưa được xử lý thích đáng, các biện pháp cưỡng chế không được áp dụng linh hoạt, sự phối hợp giữa các ban ngành, các cấp có liên quan chưa thật sự nhịp nhàng; Mặc khác một số HKD còn suy tính do tỷ lệ phạt nộp chậm thuế còn thấp hơn lãi suất vay vốn ngân hàng. Theo quy định của Luật quản lý thuế hiện nay, nếu HKD chậm nộp tiền thuế thì chỉ bị phạt nộp chậm, không xử phạt vi phạm hành chính và mức phạt nộp chậm rất thấp, chỉ có 0,05%/ngày nộp chậm nếu HKD nợ thuế dưới 90 ngày, và 0,07%/ngày nếu hộ nợ thuế trên 90 ngày. Thêm nữa, cơ quan thuế chỉ được phép làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để cưỡng chế đối với các khoản nợ thuế trên 90 ngày. Tuy nhiên, việc cưỡng chế một HKD rất phức tạp và tốn nhiều thời gian và chi phí. Bởi vì cơ quan thuế chỉ được cưỡng chế 1 hộ kinh doanh có khoảng nợ trên 90 ngày, nên khi đến thời gian cưỡng chế, HKD đã kịp tẩu tán tài sản; mặt khác, số tiền nợ thuế thường ít nên việc thành lập một hội đồng cưỡng chế bao gồm nhiều cơ quan phối hợp để cưỡng chế là không khả thi [47].

- Về phía chủ quan của cơ quan thuế chưa thực hiện hết chức năng và thẩm quyền được giao trong công tác quản lý và cưỡng chế nợ thuế. Chưa thật sự tìm mọi biện pháp để thu hồi những khoản nợ thuế có khả năng thu, chưa chủ động thực hiện quyết liệt việc triển khai các biện pháp để đôn đốc các HKD thực hiện nộp số thuế nợ

động vào ngân sách. Do đó, các HKD cố tình chây ì không nộp thuế nợ đọng nhằm chiếm dụng số tiền thuế phải nộp. Vì vậy, Chi cục thuế cũng cần có những biện pháp quyết liệt hơn trong công tác truy thu thuế, đảm bảo thu đúng và thu đủ cho NSNN.

** Công tác thanh tra, kiểm tra:*

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế có vai trò kiểm soát, ngăn ngừa và xử lý những vi phạm của HKD, đảm bảo tính công bằng giữa người nộp thuế và xã hội, sự công minh của pháp luật. Tăng ý thức chấp hành nghĩa vụ thuế của HKD cũng như ý thức trách nhiệm của cán bộ thuế, góp phần ngăn chặn tình trạng tiêu cực, gian lận thuế. Do vậy cán bộ làm công tác thanh tra luôn phải cập nhật, trau dồi, học hỏi chính sách pháp luật cũng như nghiệp vụ chuyên môn để truyền đạt, hướng dẫn tận tình cho HKD cũng như kiểm tra, giám sát các hộ thực hiện đúng đắn nghĩa vụ thuế của mình. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ thuế nói chung và cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra nói riêng được hiểu bao quát về cả tài, cả đức, để không chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị mà phải được lòng dân, nhằm góp phần cho công tác thu NSNN, có nguồn chi cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, phát triển đất nước.

Đối với HKD, chủ yếu là tiến hành hoạt động kiểm tra bởi vì kiểm tra thuế được tiến hành với bất kỳ người nộp thuế nào; còn thanh tra thuế chủ yếu tiến hành đối với doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh đa dạng, phạm vi kinh doanh rộng; khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế; để giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế các cấp hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trong thời gian qua, công tác kiểm tra của Chi cục thuế Gò Vấp cũng có những kết quả đáng ghi nhận, qua việc điều tra loại mức kê khai doanh thu nhằm ấn định thuế sát với thực tế...góp phần làm tăng thu cho NSNN. Tuy nhiên thực tế cho thấy, cơ quan quản lý thuế không thường xuyên tiến hành kiểm tra các HKD do số lượng HKD nhiều, trong khi lực lượng cán bộ thuế ở các Đội thuế liên xã, phường lại ít, hơn nữa số thuế thu được từ các HKD là rất thấp so với tổng thu của cơ quan thuế. Do đó, cơ quan quản lý thuế thường tập trung kiểm tra, thanh tra thuế đối với các loại hình kinh doanh khác. Mặt khác việc kiểm tra tình hình chấp hành nộp thuế của đối tượng nộp thuế, thực hiện quy trình quản lý của cán bộ thuế chưa thường xuyên. Hàng tháng, quý chưa

có kế hoạch cụ thể, nội dung sự việc chưa báo cáo kịp thời cho lãnh đạo để có biện pháp khắc phục, xử lý. Đối với những hộ nợ đọng thuế không chấp hành chính sách chế độ Nhà nước, chưa có sự kết hợp, hỗ trợ, xử lý triệt để.

2.2.2.2 Những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh tại quận Gò Vấp

Thuận lợi và những kết quả đạt được:

- Thuế GTGT tránh được tình trạng thuế chồng thuế, đồng thời không bị ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh của người nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà chỉ đơn thuần là một khoản được cộng thêm vào giá bán của người cung cấp hàng hóa, dịch vụ, vì vậy sắc thuế này không ảnh hưởng lớn đến mục tiêu khuyến khích hay hạn chế sản xuất, kinh doanh theo các ngành nghề cụ thể.

- Luật thuế GTGT tác động đến công tác quản lý của HKD, tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các HKD, khuyến khích các đối tượng kinh doanh mở sổ sách kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá có hoá đơn chứng từ. Thông qua việc chấp hành công tác kế toán, hoá đơn, chứng từ của các HKD qua việc kê khai thuế giúp cho cơ quan chức năng của Nhà nước và cơ quan thuế từng bước nắm được sát hơn tình hình sản xuất kinh doanh cũng như tăng cường kiểm tra, giám sát đối với HKD.

- Luật thuế mới có hiệu lực từ 1/1/2015 được ban hành để đáp ứng mục tiêu về việc cắt giảm thủ tục hành chính, đơn giản - minh bạch trong cách tính thuế, tăng cường khả năng giám sát của các cấp chính quyền địa phương và của người dân đối với việc thực hiện công vụ của cán bộ thuế, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý HKD. Thể hiện ở điểm cách tính thuế hiện nay không còn phức tạp như trước, ít mức thuế suất hơn, người nộp thuế có thể tự tính được số thuế phải nộp của mình khắc phục được tình trạng kém minh bạch trong cách ấn định thuế của cơ quan thuế; Bên cạnh đó việc công khai thông tin không còn hạn chế, điều này phát huy vai trò giám sát, kiểm tra của các cấp chính quyền của người dân chưa đi vào thực tế dẫn đến sự thoả thuận ngầm giữa cán bộ thuế và HKD nhằm chung chia tiền thuế; Với cách tính thuế rõ ràng giữa doanh thu khoán và doanh thu xuất hóa đơn đã hạn chế được tình

trạng nhiều HKD nộp thuế khoán do không phải thực hiện sổ sách kế toán, không phải chứng minh hàng hoá đầu vào nên đã lợi dụng hoá đơn của cơ quan thuế để xuất khống hàng hoá, dịch vụ cho các đối tượng khác sử dụng nhằm hợp thức hoá chi phí đầu vào cho doanh nghiệp và các đơn vị sử dụng tiền NSNN.

Với những thuận lợi trên việc thực hiện tốt pháp luật về thuế nói chung và Luật thuế GTGT nói riêng cũng đã đạt được một số kết quả như:

- Vị thế của ngành thuế được nâng lên, mối quan hệ giữa cán bộ thuế, nhất là những người làm công tác trực tiếp với HKD đã được cải thiện đáng kể, công tác tuyên truyền Luật thuế được đẩy mạnh đối với các HKD nói riêng và trong công tác quản lý thuế nói chung. Các chính sách thuế luôn được phổ biến đầy đủ đến các HKD. Mọi vướng mắc, bức xúc về thuế của HKD đều được giải đáp kịp thời, thỏa đáng. Nhận thức của người dân nói chung về bản chất của thuế và nội dung các chính sách thuế cơ bản khá đầy đủ, rõ nét. Trên cơ sở đó, đại đa số HKD đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật thuế, ủng hộ việc làm của cơ quan thuế. Cơ quan quản lý thuế và các HKD đã dần dần tìm được tiếng nói chung, nhất là trong công tác điều chỉnh thuế hàng năm đối với các HKD của cơ quan thuế.

- Trình độ nghiệp vụ của cán bộ được nâng cao cả về nhận thức cũng như trình độ quản lý để đáp ứng yêu cầu công tác trong điều kiện kinh tế ngày càng phát triển, dân trí ngày càng cao. Các quy trình quản lý đã gắn được trách nhiệm của cán bộ với công tác ở từng bộ phận trong bộ máy quản lý thuế, giảm được thời gian người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế, hạn chế phần nào các trường hợp sách nhiễu, gây khó khăn cho người nộp thuế.

Bên cạnh những kết quả đạt được nói trên, thuế GTGT đối với HKD trên địa bàn quận Gò Vấp nói riêng và Thành phố Hồ Chí Minh nói chung vẫn có một số khó khăn, vướng mắc còn tồn tại:

- Đặc thù của HKD đa phần có quy mô kinh doanh nhỏ lẻ, chủ yếu một người kinh doanh; đối tượng kinh doanh thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau, trình độ hiểu biết khác nhau; nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ nộp của nhiều hộ

chưa cao; đồng thời chưa nhận thức đúng mức và chưa chấp hành nghiêm chỉnh chế độ sổ sách, hóa đơn chứng từ.

- Việc tính mức thuế khoán thường dựa vào các doanh thu và quy mô của HKD. Theo lý thuyết, mức thuế khoán được xác định dựa trên nhiều bước khảo sát, đánh giá hoạt động kinh doanh và sự tham vấn của các cơ quan ban ngành có liên quan. Tuy nhiên căn cứ tính thuế rất khó chính xác và xác định được một mức doanh thu hợp lý là bao nhiêu đối với HKD nhiều lĩnh vực khác nhau, đây là vấn đề mà pháp luật chưa giải quyết được một cách triệt để. Đối với mỗi HKD, mỗi loại hàng hoá, dịch vụ khác nhau thì mức doanh thu đạt được cũng hoàn toàn khác nhau. Nếu pháp luật chỉ ấn định một mức doanh thu chung chung không rõ ràng thì sẽ gây hiện tượng không công bằng trong áp thuế và thất thu cho NSNN. Đối với HKD hiện đang được lựa chọn nộp thuế theo phương pháp khấu trừ nếu thực hiện sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật; Thực tế qua kiểm tra, thanh tra cho thấy hầu như không có hộ cá nhân kinh doanh nào đáp ứng được điều kiện này. Do vậy quy định lựa chọn phương pháp tính thuế còn không phù hợp với thực tiễn, vừa dẫn đến vướng mắc trong việc xác định phương pháp tính thuế đối với hộ cá nhân kinh doanh.

- Căn cứ tính thuế là giá tính thuế và thuế suất, song thực tiễn thực thi nghĩa vụ thuế GTGT, giá tính thuế được phản ánh trên hoá đơn chứng từ còn có sự khác biệt so với giá thực, đặc biệt giá tính thuế của hàng tiêu dùng, nhưng không có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh vì vậy trong nhiều trường hợp phạm vi mức độ của thuế GTGT không được xác định đúng. Bên cạnh đó tiêu chí phân định danh mục hàng hoá, dịch vụ dựa trên tính năng công dụng và mục đích sử dụng hàng hoá, dịch vụ để xác định mức thuế suất, nên trong nhiều trường hợp cùng một mặt hàng có thể bị áp dụng các mức thuế khác nhau. Mặt khác, giá trị pháp lý của mã số thuế, tờ khai thuế, thông báo nộp thuế, quyết toán thuế chưa được xác định trong pháp luật thuế GTGT, dẫn đến sự tùy tiện trong quá trình thực hiện.

- Luật thuế GTGT đòi hỏi trình độ quản lý và trình độ chuyên môn của cán bộ phải cao hơn, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc. Tuy nhiên hiện nay, trình độ năng lực, trách nhiệm của cán bộ thuế ở một số nơi còn hạn chế; Lực lượng cán bộ

thuế còn thiếu nhiều so với yêu cầu nên với số lượng HKD lớn, địa bàn quản lý rộng vì vậy cán bộ thuế không bao quát hết được nguồn thu, thậm chí có hiện tượng “thỏa thuận” với hộ làm mất nguồn thu, mất hộ, không đảm bảo được yêu cầu bình đẳng giữa các HKD trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

- Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế mới chỉ dừng lại ở việc tuyên truyền, phổ biến chính sách khi triển khai các chính sách mới. Trên thực tế, rất ít trường hợp HKD hỏi, thắc mắc về chính sách thuế, hoặc nếu có thường chỉ là các trường hợp thắc mắc về mức thuế khoán ổn định nhưng số lượng không đáng kể. Như vậy, có thể nói công tác tuyên truyền, hỗ trợ đối với HKD chưa được chú trọng đúng mức.

- Công tác niêm yết công khai dự kiến doanh thu và số thuế phải nộp của các HKD để lấy ý kiến các hộ còn mang tính hình thức, chưa thật sự hiệu quả. Việc thực hiện niêm yết được thực hiện tại những nơi công cộng, thuận tiện cho HKD biết và góp ý như trụ sở Ủy ban nhân dân phường, Đội thuế, tại Ban quản lý chợ... và Đội thuế phải bố trí cán bộ trực để tiếp nhận thông tin, ý kiến phản hồi cũng như giải đáp thắc mắc, tuy nhiên, số HKD biết, quan tâm theo dõi việc niêm yết và ý kiến phản hồi là rất ít, chưa đảm bảo yêu cầu công khai, minh bạch đối với HKD.

- Mặc dù với đặc trưng của hộ kinh doanh là mô hình tổ chức đơn giản, trình độ quản lý thấp nhưng trong việc xử phạt hành chính thuế, xử lý việc chậm nộp, chây ì thuế của các HKD thì áp dụng các thủ tục, trình tự như với các loại hình doanh nghiệp khác, còn rườm rà, chưa phù hợp với HKD. Công tác quản lý nợ mặc dù đã được lên kế hoạch thực hiện rà soát, đôn đốc thu nợ từ thành phố đến quận, phường nhưng kết quả mang lại chưa cao, số thuế GTGT nợ đọng còn khá lớn.

** Nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh:*

- Trong hệ thống chính sách về thuế, đôi khi khu vực HKD chưa được quan tâm đúng mức. Những thông tin về khu vực này hiện còn ít ỏi, thiếu tính hệ thống, chưa thật sự coi trọng việc chính thức hóa bằng Luật đối với việc thành lập, hoạt động kinh doanh, giải thể hoặc phá sản của các HKD. Hiện nay, chưa có tổ chức độc lập đại diện

quyền lợi cho HKD giống như loại hình doanh nghiệp. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc xây dựng và thực hiện các biện pháp khuyến khích HKD phát triển. Nhà nước đã có cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển nhưng mới chỉ tập trung vào các loại hình doanh nghiệp, chưa có nhiều những cơ chế, chính sách hỗ trợ riêng cho HKD.

- HKD phải sử dụng không quá mười lao động, nếu HKD có sử dụng thường xuyên hơn mười lao động thì phải chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp. Hơn nữa, HKD chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, có nghĩa là mỗi HKD chỉ có thể có một cửa hàng hoặc một cơ sở sản xuất tại một địa phương nhất định. Quy định này thực chất không cho phép hộ mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh. Như vậy, quyền tự do kinh doanh phần nào đó có sự hạn chế.

- Trình độ quản lý chưa tương xứng với yêu cầu của công tác quản lý, vì vậy các cơ quan quản lý bị các đối tượng nộp thuế “qua mặt” một cách dễ dàng nên không phát hiện được và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận; Bên cạnh đó thiếu sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan chức năng với cơ quan thuế, Hội đồng tư vấn thuế còn mang tính hình thức, chưa phát huy hết hiệu quả, các thành viên trong Hội đồng chưa quan tâm đúng mức đến chức năng tư vấn, dễ dàng đồng thuận với các mức thuế do cán bộ thuế lập.

- Tình trạng thất thu thuế có hai nguyên nhân, đó là thất thu từ hộ kinh doanh và thất thu từ cán bộ thuế, cơ quan thuế.

Thất thu từ HKD xuất phát từ việc hộ kinh doanh không thực hiện chế độ ĐKKD, đăng ký mã số thuế, kê khai không trung thực, mất hóa đơn... Cũng có những trường hợp HKD xin nghỉ, tạm nghỉ hoạt động để được miễn, giảm thuế nhưng thực tế vẫn hoạt động kinh doanh bình thường.

Thất thu từ cán bộ thuế và cơ quan thuế: cán bộ thuế chưa đưa hết các hộ thực tế kinh doanh vào danh sách quản lý mặc dù cán bộ thuế vẫn tiến hành thu thuế; thỏa hiệp với các hộ kinh doanh để giảm bớt số thuế phải nộp, nhất là trong trường hợp xác định doanh thu; mức thuế khoán chủ yếu dựa trên sự “thỏa thuận” giữa HKD và cán bộ thuế cơ sở. Điều đó sẽ dẫn đến mức thuế của các HKD được các cán bộ thuế ấn

định “tùy tiện” theo “cảm tính”, không đồng đều đối với từng hộ. HKD nhỏ nhưng được đánh giá là quy mô lớn, đông khách, doanh thu đang tăng, nên mức thuế khoán sẽ cao. Lại có những cửa hàng lớn nhưng “quan hệ tốt” với cán bộ thu thuế cơ sở nên chỉ chịu mức thuế thấp hơn nhiều so với doanh thu thực; việc xem xét miễn, giảm thuế; một số cán bộ chưa sâu sát cơ sở, quan liêu nên không kiểm tra, phát hiện được các trường hợp gian lận... Cơ quan quản lý thuế chưa kiểm tra, thanh tra phát hiện sai sót của các hộ kinh doanh cũng như cán bộ thuế kịp thời, làm thất thu đối với NSNN.

- Tâm lý tiêu tiền mặt và thói quen không lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ của người tiêu dùng vô tình dẫn đến việc cơ quan thuế không quản lý được thực chất doanh thu của HKD.

- Tình trạng vi phạm pháp luật còn diễn ra ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực thuế mà chưa được xử lý kiên quyết, triệt để nên không đủ tính răn đe, nảy sinh nhiều trường hợp thông đồng giữa cán bộ thuế và HKD để giảm nhẹ lỗi vi phạm.

- Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức chưa được quan tâm đúng mức; Trong ngành thuế vẫn còn tồn tại một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức không được đào tạo bài bản, trình độ còn hạn chế, làm việc theo kinh nghiệm, không có tinh thần học hỏi để tiếp thu những cái mới. Đồng thời, thu nhập của cán bộ, công chức ngành thuế so với mặt bằng chung đã có rất nhiều chuyển biến, nhưng so với thực tế đòi hỏi của cuộc sống thì vẫn còn nhiều bất cập; điều này cũng đã gián tiếp làm giảm hiệu quả quản lý thuế, thậm chí đây có thể là nguyên nhân dẫn đến những tiêu cực.

Kết luận chương 2

Qua nghiên cứu thực trạng quy định và thực hiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh từ thực tiễn Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, có thể rút ra những kết luận sau:

1. Pháp luật về thuế GTGT ngày càng được bổ sung và hoàn thiện, đơn giản về mặt thủ tục hành chính, các quy định ngày càng sát với thực tế, rõ ràng về phương pháp và cách tính thuế đối với mô hình HKD; đặc biệt là quy định mới về phương pháp tính thuế khoán góp phần tạo sự công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân kinh doanh thực hiện đúng theo chính sách pháp luật nhà nước. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những quy định bất cập, chưa phù hợp, chưa theo kịp thực tế phát triển của hộ kinh doanh ngày nay như:

- Đối với hộ kinh doanh thì chưa có cơ chế cấp song song hai loại đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế như doanh nghiệp. Do đó, hộ kinh doanh phải tiến hành hai lần đăng ký. Việc này vừa gây phiền hà cho hộ kinh doanh vừa làm tăng khả năng bỏ sót hộ đăng ký thuế.

- Công tác ấn định mức thuế khoán, dự kiến doanh thu, thực hiện niêm yết doanh thu và số thuế phải nộp của các hộ kinh doanh để lấy ý kiến các HKD; Sự tham vấn của các ban ngành có liên quan, cụ thể là Hội đồng tư vấn thuế chưa phát huy hiệu quả, còn mang tính hình thức. Công tác quản lý hộ thực hiện thuế GTGT còn nhiều bất cập.

2. Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh là một quận đang phát triển về mọi mặt với số lượng HKD lớn, kinh doanh đa dạng các ngành nghề. Bên cạnh đó, được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp; sự nỗ lực của tập thể cán bộ, công chức; sự đồng lòng của nhân dân nên quận Gò Vấp đã có rất nhiều bước phát triển vượt bậc về kinh tế, cơ sở hạ tầng, văn hóa, xã hội...trong đó có cả sự phát triển trên lĩnh vực thuế, đem lại nguồn thu ngân sách lớn hàng năm.

3. Chi cục thuế quận Gò Vấp đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý thuế trên địa bàn, công tác quản lý được Chi cục phân loại theo từng lĩnh vực cụ thể nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất tình trạng thất thu cho ngân sách nhà nước; thường

xuyên đề ra các giải pháp nhằm quản lý, hỗ trợ hộ kinh doanh thực hiện pháp luật thuế theo quy định.

4. Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc thực hiện Luật thuế GTGT trên địa bàn quận cũng nảy sinh nhiều khó khăn vướng mắc với một số nguyên nhân cụ thể đã được nêu như trên, vấn đề cần đặt ra là các nhà quản lý thuế cần có những giải pháp giúp việc đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế GTGT và nâng cao hiệu quả quản lý thuế GTGT đối với hộ kinh doanh, tránh nguy cơ tham nhũng trong khu vực HKD; Song song đó, tạo điều kiện cho HKD có khả năng phát triển, cạnh tranh bình đẳng trong xã hội và làm tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP GIÚP ĐẢM BẢO THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GTGT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1 Phương hướng giúp việc đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế GTGT đối với hộ kinh doanh

Với bản chất là loại thuế tiêu dùng, thuế GTGT vẫn tiếp tục phát huy vai trò là loại thuế có số thu đóng góp vào Ngân sách nhà nước nhiều nhất, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, thuế GTGT càng phát huy vai trò là loại thuế gián thu đóng vai trò quan trọng do đây là loại thuế ít biến động và ít thay đổi hơn thuế thu nhập doanh nghiệp hay thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, thuế GTGT được nộp vào ngân sách kịp thời (ngay trong kỳ phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ) nên thuế GTGT tạo nguồn thu đều đặn cho Nhà nước trong bối cảnh nhiều quốc gia phải đối mặt với tình trạng giảm lượng tiền mặt do số thu về thuế giảm và chi ngân sách tăng.

Để việc thực hiện Luật thuế GTGT đối với HKD đạt được hiệu quả cao nhất, đáp ứng với yêu cầu thực tế trong tình hình mới, bên cạnh việc nỗ lực không ngừng của toàn ngành thuế, phát huy sự phối hợp đồng bộ giữa nhiều cơ quan, ban ngành thì việc đề ra những phương hướng, giải pháp cụ thể là hết sức cần thiết như sau:

Một là, thực hiện công tác quản lý tốt đối tượng nộp thuế vì đây là khâu quan trọng đầu tiên góp phần thực hiện Luật thuế một cách hiệu quả. Số thuế thu được phụ thuộc lớn vào số hộ đã được đưa vào diện quản lý. Qua phân tích số liệu ở chương II ta thấy rằng công tác quản lý đối tượng nộp thuế ở Chi cục thuế quận chưa đạt yêu cầu, vì vậy cần:

- Cán bộ thuế phải tăng cường giải thích, tuyên truyền để đối tượng kinh doanh hiểu rõ trách nhiệm trong việc kê khai, chấp hành nghĩa vụ nộp thuế.
- Để vận động được các HKD thực hiện kê khai và chấp hành nghĩa vụ thuế đòi hỏi cán bộ thuế phải bám sát địa bàn để điều tra và nắm bắt được tình hình diễn biến

của các đối tượng kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của mình và phát hiện những hộ mới phát sinh, chủ động kết hợp với cơ quan liên quan nhằm tăng cường sự hỗ trợ cho công tác quản lý của mình.

- Hiện nay, cơ quan cấp phép ĐKKD và cơ quan quản lý đối tượng nộp thuế độc lập với nhau nên việc nắm bắt đối tượng nộp thuế ra kinh doanh không kịp thời. Mỗi hộ khi muốn đủ điều kiện để được kinh doanh và đóng góp đúng qui định của pháp luật phải làm thủ tục khai báo với hai cơ quan. Do vậy nên nghiên cứu thực hiện thống nhất hoặc có thông tin hai chiều kịp thời giữa hai cơ quan trên nhằm giảm bớt thủ tục phiền hà cho người kinh doanh, đồng thời khi đã ĐKKD thì đưa vào diện quản lý ngay, giúp cho cơ quan thuế quản lý đối tượng kinh doanh kịp thời mỗi khi có hộ mới ra kinh doanh. Trong công tác quản lý đối tượng nộp thuế, có thể chia làm 2 loại:

*** Đối với những hộ đã quản lý được**

- Đối với những HKD đã ở trong diện quản lý (đã được theo dõi trên bộ của chi cục). Cần có sự kiểm tra thường xuyên, giám sát chặt chẽ đối với những hộ này, nếu xin tạm nghỉ kinh doanh thì chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng. Thủ tục giải quyết phải theo đúng qui trình như: phải có đơn xin nghỉ trình bày lý do, đơn phải được thông qua Hội đồng tư vấn thuế phường, Ban quản lý chợ xác nhận, thực hiện công tác phối hợp xác minh, phải có quyết định miễn, giảm thuế của cơ quan thuế mới được chấp nhận không phải nộp thuế, trong thời gian nghỉ kinh doanh phải được kiểm tra liên tục và nếu trong thời gian này muốn tiếp tục kinh doanh, phải khai báo với cơ quan thuế, nếu không khai báo sẽ bị xử lý theo quy định.

- Đối với những hộ xin nghỉ kinh doanh nhiều tháng, ngoài việc phải thực hiện đầy đủ thủ tục như trên, nên tạm thu giữ ĐKKD và hoá đơn bán hàng nhằm tránh việc tiếp tục hoạt động.

*** Đối với những hộ chưa quản lý được**

Cơ quan thuế, cụ thể là đội thuế liên phường, cán bộ thuế phải tích cực bám sát địa bàn, kết hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để điều tra xác định rõ số hộ kinh doanh không có giấy phép và chưa đăng ký nộp thuế. Cụ thể:

- Đối với những hộ buôn bán cố định nếu chưa tiến hành ĐKKD, đăng ký thuế thì cán bộ thuế phải có trách nhiệm nhắc nhở, đôn đốc buộc các hộ này đăng ký nộp thuế để đưa vào bộ quản lý.

- Đối với những HKD ngoài vỉa hè, kinh doanh tại những khu mua bán tự phát, không có chỗ ngồi ổn định thì biện pháp trước mắt là lập danh sách đưa vào quản lý trong bộ phụ, vận động các hộ chấp hành kê khai và thực hiện thuế theo quy định, cần theo dõi thường xuyên, nếu hộ chấp hành tốt thì đưa vào bộ quản lý chính.

- Đối với những hộ cố tình chống đối hoặc những hộ núp bóng tập thể để kinh doanh thì ngoài những biện pháp xử lý hành chính thông thường, nếu vi phạm nhiều lần, mặc dù đã được nhắc nhở thì có thể truy tố trước pháp luật.

Hai là, thực hiện quản lý tốt về căn cứ và các phương pháp tính thuế GTGT. Căn cứ để tính thuế là doanh thu và GTGT. Quản lý tốt căn cứ tính thuế sẽ góp phần đảm bảo số thu sát với thực tế, vừa tăng thu cho NSNN, vừa đảm bảo công bằng giữa các hộ kinh doanh. Qua phân tích thực trạng công tác quản lý căn cứ tính thuế ở Chi cục thuế quận, ta thấy rằng việc quản lý căn cứ tính thuế còn có một số hạn chế nhất định. Như vậy, để có căn cứ tính thuế chính xác, đảm bảo kế hoạch được giao, thực hiện công bằng cho các hộ nộp thuế, cần thiết phải áp dụng một số biện pháp riêng cho từng loại hộ như sau:

*** Đối với hộ kinh doanh theo phương pháp khoán**

Đối với hộ kinh doanh theo phương pháp này thì cơ quan thuế phải căn cứ vào tình hình kinh doanh của từng hộ để xác định mức doanh thu ấn định. Như vậy để đảm bảo số thu sát với thực tế cần phải áp dụng một số biện pháp sau:

- Cần phải nắm được diễn biến của thị trường và quy mô sản xuất kinh doanh của từng hộ, mặt khác căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch của Cục thuế giao cho. Việc điều tra doanh thu tính thuế phải tuân thủ theo đúng quy trình, cán bộ thực hiện nhiệm vụ phải vô tư, khách quan và có trách nhiệm.

- Công khai và ổn định mức thuế đối với các hộ kinh doanh là một biện pháp rất có hiệu quả, nếu thực hiện nghiêm túc. Trước khi ổn định, mức thuế được đưa ra cho các tổ ngành hàng đề nghị mức thuế của từng hộ một cách công khai, dân chủ. Có

sự tham gia của tổ ngành hàng, Hội đồng tư vấn thuế sẽ tạo được sự đồng tình ủng hộ của chính quyền, nhân dân địa phương, của chính những đối tượng nộp thuế và điều cốt lõi là đã tạo ra sự công bằng cho việc xác định mức thuế đóng góp của từng hộ và giúp cho họ yên tâm hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Có như vậy việc áp dụng Luật thuế GTGT mới mang lại hiệu quả cao. Muốn vậy, Chi cục thuế Gò Vấp cần phải làm tốt các vấn đề sau:

- Cần tăng cường công tác tuyên truyền nội dung, tính ưu việt của Luật thuế GTGT và chế độ quản lý, sử dụng hoá đơn chứng từ. Giúp đối tượng kinh doanh hiểu được sự cần thiết phải mở sổ sách kế toán. Có như vậy mới duy trì được sự công bằng trong đóng góp NSNN và giám sát được tình hình hoạt động của chính mình.

- Chi cục thuế quận cần có kế hoạch vừa động viên vừa bắt buộc các hộ kinh doanh có qui mô lớn phải mở sổ sách kế toán.

- Theo định hướng đến năm 2020, Luật Hỗ trợ SME (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ) hướng đến các HKD để dần chuyển sang mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ. Do vậy, cần phải thường xuyên tổ chức hướng dẫn cho các đối tượng nộp thuế theo phương pháp này biết cách mở sổ sách kế toán, sử dụng, bảo quản hoá đơn chứng từ. Có như vậy, khi chuyển sang áp dụng phương pháp kê khai mới khỏi bỡ ngỡ, sai sót.

*** Đối với hộ kinh doanh nộp theo phương pháp kê khai**

Việc quản lý căn cứ tính thuế của các hộ kinh doanh áp dụng theo phương pháp kê khai là quản lý trên sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ. Do đó, để ngăn chặn việc thực hiện không đúng theo quy định của Bộ tài chính thì Chi cục thuế quận cần áp dụng những biện pháp sau:

- Cán bộ thuế cần tăng cường kiểm tra đột xuất và thường xuyên việc sử dụng hoá đơn và ghi chép sổ sách của các đối tượng kinh doanh, đối chiếu giữa hoá đơn mua và bán với sổ sách kế toán, giữa sổ sách kế toán với hàng hoá thực tế tồn kho. Có như vậy thì việc quản lý căn cứ tính thuế mới đạt chất lượng, nhờ đó tránh được tình trạng trốn lậu thuế.

- Cán bộ thuế cần tăng cường kiểm tra việc kê khai căn cứ tính thuế của từng tháng. Nếu phát hiện có sự chênh lệch giữa số liệu kê khai và số liệu quyết toán do nguyên nhân khách quan thì yêu cầu cơ sở kê khai bổ sung kịp thời. Đối với các trường hợp cố tình kê khai sai, cán bộ thuế phải tiến hành thu bổ sung và xử lý phạt theo quy định của pháp luật.

Ba là, cần ban hành khung pháp lý đủ mạnh để từng bước chuyển đổi các HKD sang phương pháp kê khai, bắt buộc sử dụng hóa đơn, chứng từ, sổ sách kế toán.

Theo Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) thì hình thức thu thuế khoán được áp dụng tại 16/19 quốc gia đang phát triển, tại các nước có trình độ dân trí cao như khu vực cộng đồng Châu Âu chỉ có 8/21 quốc gia áp dụng phương pháp này, bởi thực tế cho thấy cơ chế quản lý thuế khoán không phải là giải pháp tối ưu. Nguyên nhân là do tuy dễ quản lý nhưng sẽ không khuyến khích các HKD phát triển và chuyển đổi sang chế độ kế toán thuế tiêu chuẩn. Việc áp dụng phương thức thu thuế khoán sẽ khiến số thu ngân sách tại khu vực này luôn đạt thấp và người nộp thuế lớn có thể lợi dụng để giảm thiểu nghĩa vụ nộp ngân sách.

Vì vậy, việc thực hiện chế độ kê khai kế toán thuế đối với tất cả các HKD là mục tiêu lâu dài cần phải thực hiện nhằm đảm bảo việc quản lý thuế đối với đối tượng này có hiệu quả hơn.

Đồng thời với việc áp dụng được chế độ kê khai kế toán thuế thì phải có quy định bắt buộc sử dụng hóa đơn, chứng từ và phải có biện pháp chế tài thật nghiêm để nâng cao ý thức tự giác tuân thủ của tất cả mọi người. Bên cạnh đó, trong bước đầu thực hiện, cần phải có chính sách ưu đãi để khuyến khích các HKD và người dân sử dụng hóa đơn (như giảm thuế cho HKD trong thời gian cố định.. tùy vào mức độ tuân thủ; hay các hình thức ưu đãi trực tiếp khác)

Bốn là, xác định công tác thanh tra, kiểm là nhiệm vụ quan trọng nhằm nắm bắt được tình hình hoạt động của các HKD và việc thực thi nhiệm vụ của cán bộ thuế từ đó có các biện pháp uốn nắn, hướng dẫn thực hiện Luật thuế một cách nghiêm túc.

Nếu chỉ thực hiện mà không có kiểm tra sẽ dẫn đến những sai phạm lệch lạc, vì vậy, công tác kiểm tra phải được duy trì thường xuyên và phải được xây dựng

thành kế hoạch, có nội dung, phạm vi, thời gian cụ thể. Hàng tháng nên tổ chức khoanh vùng địa bàn cần kiểm tra và nội dung kiểm tra phải bao gồm tổng thể mọi mặt hoạt động, kể cả tình hình sản xuất kinh doanh, chế độ sử dụng sổ sách hoá đơn chứng từ, kê khai nộp thuế của đối tượng nộp thuế và việc thực hiện quy trình quản lý, xác định doanh thu, đơn đốc thu nộp của cán bộ thuế. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra HKD chủ yếu là kiểm tra hộ xin nghỉ kinh doanh, đặc biệt là số hộ xin nghỉ tạm thời có đơn xin miễn giảm. Do đó, công tác kiểm tra phải xác định rõ nguyên nhân và thường xuyên nắm bắt tình hình. Hiện tượng xin nghỉ nhưng thực tế vẫn kinh doanh là một cách trốn thuế hết sức phổ biến. Điều này không chỉ xuất phát từ ý đồ của người nộp thuế mà không loại trừ có sự liên quan đến cán bộ thuế. Vì vậy, đối với HKD này phải làm đơn xin miễn giảm theo mẫu qui định tại Thông tư 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính, phần nội dung lý do nghỉ, thời gian nghỉ phải ghi cụ thể, rõ ràng. Sau khi nhận được danh sách tổng hợp HKD có đơn xin tạm nghỉ kinh doanh, Đội kiểm tra nội bộ cần được giao nhiệm vụ phải lên kế hoạch kiểm tra ngay vì hiện tại thời gian cho phép kiểm tra rất ngắn, số lượng cán bộ ít, số lượng HKD xin tạm nghỉ nhiều, khi đó đảm bảo được tiến độ kiểm tra của tất cả các HKD xin nghỉ. Công việc kiểm tra cần phải tiến hành theo phương thức hiệu quả nhất, tùy vào từng đối tượng cụ thể mà phương pháp kiểm tra được áp dụng cũng khác nhau: như kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra theo điểm kinh doanh, kiểm tra từng vụ việc, kiểm tra thường xuyên hay kiểm tra đột xuất. Ngoài ra, cũng cần có biện pháp kiểm tra, đánh giá tinh thần, thái độ của cán bộ thuế khi thực hiện chức năng quản lý hộ kinh doanh theo địa bàn quản lý.

Năm là, tăng cường thu thuế, đốc thu nợ đọng thuế GTGT và thực hiện có hiệu quả công tác xử lý vi phạm nhằm mục đích răn đe và nâng cao ý thức của các hộ kinh doanh trong việc thi hành Luật thuế, đồng thời tự giác chấp hành nghĩa vụ thuế theo quy định.

Công tác thu thuế tuy đã có tiến bộ hơn, nhưng số thuế nợ vẫn còn ở mức cao. Do đó, Chi cục thuế cần làm tốt hơn công tác này bằng cách: Phân loại nợ chính xác cho từng đối tượng nộp thuế, cho từng loại tính chất nộp thuế. Đối chiếu, điều chỉnh số

nợ sai sót do nhầm mục, tiểu mục để tránh nợ sai; đối với khoản nợ không còn đối tượng thu (bỏ trốn, mất tích) thì lập hồ sơ để báo cáo lãnh đạo Đội, Chi cục để có các biện pháp cụ thể trình cấp thẩm quyền khoan hoặc xóa nợ. Xây dựng kế hoạch cưỡng chế nợ thuế với HKD có mức nợ thuế nhiều, cố tình không chấp hành, thực hiện các biện pháp như phạt hành chính, thu hồi giấy ĐKKD...; Giao chỉ tiêu thu nợ ít nhất là 80% trên tổng số nợ có khả năng thu đến từng đội, từng cán bộ thuế quản lý địa bàn và gắn kết quả thu nợ thuế làm căn cứ bình xét thi đua cuối năm. Mặt khác, cơ quan thu các cấp sẽ chủ động đề xuất với UBND các cấp phối hợp với cơ quan chức năng trên địa bàn thực hiện quản lý thu nợ, cưỡng chế nợ thuế và thực hiện xử phạt theo đúng quy định; cơ quan thu nghiêm túc thực hiện quy chế công bố thông tin đối với những HKD nợ thuế trên địa bàn để những đối tượng này ý thức hơn trong việc chấp hành nghĩa vụ với NSNN.

- Đối với hộ kinh doanh: áp dụng thực hiện nghiêm các quy định tại Điều 9, Điều 41 Thông tư 166/2013/TT-BTC. Trong trường hợp các hộ cố tình vi phạm không chịu nộp thuế cũng như không chịu trả tiền thuế nợ, cán bộ quản lý phải thực hiện đầy đủ qui trình đơn đốc nợ đọng, lập hồ sơ chuyển các cơ quan chức năng kịp thời, tránh tình trạng để dây dưa, tràn lan.

- Đối với cán bộ thuế : Những cán bộ thuế để nợ đọng nhiều (do nguyên nhân chủ quan) thì phải cắt thi đua hàng tháng, quý. Nếu vi phạm nhiều lần, cần xem xét lại khả năng, có thể chuyển công tác khác.

- Đối với cán bộ có hành vi xâm tiêu tiền thuế và chuyển thành nợ đọng, số tiền thuế không nộp đúng thời gian qui định này phải được xử phạt theo luật định, đồng thời xử lý kỷ luật theo qui định của ngành. Muốn phát hiện được những hiện tượng này, Chi cục cần có kế hoạch kiểm tra, đối chiếu chứng từ nộp thuế của các đối tượng nộp thuế thường xuyên hoặc định kỳ trên từng khu vực. Thông báo cho các đối tượng nộp thuế phải yêu cầu cán bộ thuế cấp ngay biên lai sau khi nộp thuế. Bên cạnh đó, Chi cục cần có công tác khen thưởng kịp thời với những cán bộ có thành tích hoàn thành nhiệm vụ quản lý thu nộp thuế.

3.2 Giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế GTGT và nâng cao hiệu quả quản lý thuế GTGT đối với hộ kinh doanh

3.2.1 Về tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với hộ kinh doanh

Để các HKD hiểu và chấp hành nghiêm Luật thuế GTGT thì phải luôn đặt mục tiêu coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, hỗ trợ người nộp thuế nhằm tuyên truyền, phổ biến sâu rộng, thường xuyên trong mọi tổ chức và công dân về Luật thuế GTGT mới và các văn bản pháp luật thuế có liên quan để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người nộp thuế và tổ chức thực hiện tốt, quan trọng nhất là giáo dục được ý thức tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế của đối tượng nộp thuế.

Có thể thực hiện việc tuyên truyền bằng nhiều phương thức khác nhau:

- Nên nghiên cứu đưa việc giáo dục ý thức tuân thủ chính sách thuế vào trong hệ thống giáo dục phổ thông. Hầu hết ở các nước phát triển trên thế giới đều thiết kế các chương trình học tập về thuế trong các trường phổ thông, giáo dục cho công dân tương lai của họ về tính nhân văn của thuế, từ đó xác định rõ nghĩa vụ công dân đối với ngân sách quốc gia để tự giác thi hành.

- Tại những bộ phận hỗ trợ, tuyên truyền người nộp thuế của các cơ quan thuế cần bố trí những cán bộ chuyên nghiệp, giỏi nghiệp vụ để hướng dẫn người nộp thuế một cách nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian mà hiệu quả lại cao. Nên bố trí các cán bộ thuế giỏi nhất, chuyên nghiệp nhất để có thể trả lời được các câu hỏi của người nộp thuế nhanh chóng và chính xác nhất, đặc biệt là hình thức trả lời qua điện thoại và các hình thức tiếp xúc cá nhân.

- Các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế phải đa dạng, phong phú dưới nhiều hình thức và gần gũi với người dân. Cơ quan thuế cần nghiên cứu ban hành những ấn phẩm, tờ rơi, áp phích... dưới dạng những câu hỏi nhỏ, những tình huống cụ thể thường gặp thay vì các văn bản pháp luật khô cứng. Tăng cường tổ chức hình thức giao lưu trực tuyến, các hội nghị đối thoại trực tiếp với các đối tượng nộp thuế. Việc cung cấp những tài liệu liên quan đến thuế cũng cần được mở rộng hơn, có thể để sẵn ở các bưu điện, kho bạc, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn... thay vì chỉ để ở các tủ

sách tại cơ quan thuế như hiện nay. Đặc biệt, cần chú ý việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng rất được phổ biến như đài truyền hình, đài tiếng nói nhân dân...dưới dạng trò chơi truyền hình, quảng cáo, slogan hay những cuộc thi tìm hiểu về thuế... Muốn làm được điều này, cần có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Đảng, Chính phủ, các Bộ, ngành và chính quyền các cấp trong tất cả các mặt của lĩnh vực thuế.

3.2.2. Về hoàn thiện các cơ chế, chính sách thuế

Để áp dụng thuế GTGT một cách có hiệu quả, ngoài việc tiếp tục hoàn thiện Luật thuế GTGT cần phải không ngừng hoàn thiện cơ chế đảm bảo thực hiện thuế GTGT trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính thuế, cải cách hành chính thuế là một tất yếu khách quan, bởi cải cách hành chính là yếu tố, là động lực cơ bản thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh kinh tế hội nhập quốc tế, là công cuộc đổi mới sâu sắc và toàn diện để xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN [1]. Trong cải cách thể chế hành chính thuế bao gồm cải cách thể chế pháp luật và cải cách thủ tục hành chính thuế. Cải cách thể chế pháp luật là cải cách việc xây dựng, ban hành các văn bản pháp quy về thuế của Chính phủ, của Bộ tài chính. Cụ thể: đổi mới quy trình xây dựng văn bản pháp quy, mở rộng việc tổ chức nghiên cứu soạn thảo các văn bản pháp quy bằng các nhóm chuyên gia liên ngành, nghiêm chỉnh thực hiện các quy định chính của luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Cải cách thủ tục hành chính thuế là cải cách thủ tục thực hiện thẩm quyền trong hoạt động hành chính thuế. Hay nói cách khác, là cải cách trình tự thực hiện mọi hình thức hoạt động của cơ quan thuế bao gồm trình tự thành lập các cơ quan thuế, trình tự bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động cán bộ thuế, trình tự lập quy, áp dụng quy phạm để đảm bảo các quyền chủ thể và xử lý vi phạm, trình tự hoạt động tổ chức, tác nghiệp hành chính.

Bên cạnh đó cũng cần cải cách bộ máy hành chính thuế gồm: Cải cách mô hình tổ chức bộ máy hành chính thuế; Cải cách sự phân cấp quản lý giữa các cơ quan thuế và sự phân công trong nội bộ từng cơ quan thuế; Cải tiến phương thức chỉ đạo, hoạt động, điều hành của tổng cục thuế, cục thuế, chi cục thuế để nâng cao chất lượng hoạt

động đáp ứng những biến động của cơ chế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế có nhiều thách thức [47].

3.2.3 Về công tác cán bộ

Hiện tại số cán bộ ở các Đội thuế liên xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý các hộ kinh doanh rất hạn chế (1 cán bộ quản lý 2 phường với hơn 4.000 HKD). Do đó, rất cần thiết việc xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ công chức thuế đảm bảo về chất và lượng, cần xác định vấn đề kiện toàn đội ngũ cán bộ là khâu trọng tâm thiết yếu trong cải cách hành chính thuế. Vì có thể xây dựng được một hệ thống thể chế tốt về thuế và thiết kế được mô hình tổ chức bộ máy hành chính thuế tối ưu nhưng nếu không có đội ngũ cán bộ công chức thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ, tâm huyết với công việc để đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá nền hành chính thì mọi ý đồ cải cách hành chính thuế cũng không thể trở thành hiện thực được.

Yêu cầu cần tập trung đào tạo và đào tạo lại cán bộ cho sát với thực tế công tác. Việc đào tạo phải được kiểm tra chặt chẽ, nội dung đào tạo phải gắn với thực tế công việc đang thực hiện của cán bộ. Nếu xét thấy không cần thiết phải đào tạo thì chỉ cần tập huấn nâng cao trình độ để tránh lãng phí.

Thực hiện công tác đánh giá chất lượng cán bộ, công chức một cách công bằng trên cơ sở giao công việc cụ thể theo tiến độ, thời gian hoàn thành, lấy chất lượng làm trọng, tránh trường hợp cào bằng, người làm nhiều cũng như người làm ít, không công bằng và cũng không khuyến khích được cán bộ nỗ lực vươn lên. Đồng thời cần có chính sách đãi ngộ để thu hút nhân tài phục vụ cho công tác quản lý thuế.

Nghiên cứu việc tăng thu nhập cho cán bộ, công chức nói chung và cán bộ, công chức ngành thuế nói riêng phải đảm bảo được cuộc sống ổn định mới tạo được tâm lý an tâm công tác, phục vụ nhân dân. Đồng thời, phải có chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với những cán bộ thuế vi phạm để đảm bảo chất lượng công việc, loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất, hạn chế tham nhũng, tiêu cực.

3.2.4 Về công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành

Công tác quản lý thuế nói chung và sắc thuế GTGT nói riêng là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị, từ Đảng, chính quyền đến đoàn thể, không phải riêng cơ

quan thuế mà có thể làm được. Do đó, cần phải có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các cơ quan, ban ngành với cơ quan thuế để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả nhất.

Cụ thể nhất là phát huy vai trò và thực hiện kiện toàn Hội đồng tư vấn thuế phường theo Thông tư số 208/2015/TT - BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính về hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường. Với 3 nhiệm vụ trọng tâm là: Tư vấn về mức doanh thu dự kiến, mức thuế dự kiến của HKD nộp thuế ổn định đầu năm thuộc diện không phải nộp thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân; tư vấn về mức doanh thu dự kiến, mức thuế dự kiến của HKD mới ra kinh doanh và HKD có thay đổi về hoạt động kinh doanh trong năm; tư vấn về mức thuế miễn, giảm đối với HKD. Hội đồng tư vấn thuế hoạt động và làm việc theo chế độ thảo luận tập thể và quyết định theo đa số, trường hợp ý kiến ngang nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch hội đồng. Hoạt động hiệu quả của Hội đồng tư vấn thuế không chỉ giúp người dân dễ dàng trao đổi những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tìm hiểu chính sách, pháp luật thuế mà còn góp phần đảm bảo công tác quản lý thuế được công khai, minh bạch, tạo sự đồng thuận cao của HKD trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Và thực tiễn cũng đã chứng minh rằng, nơi nào biết phát huy tốt vai trò quan trọng của Hội đồng tư vấn thuế thì ở đó công tác thuế luôn đạt hiệu quả cao.

3.2.5 Điện tử hóa việc nộp thuế và hiện đại công tác quản lý thuế bằng công cụ tin học

Theo báo cáo "Nguy cơ tham nhũng trong khu vực HKD Việt Nam" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố, 50% HKD cho biết, chấp nhận chi cho cán bộ thuế để thỏa thuận mức thuế hợp lý. Để xóa bỏ những "góc tối" trong lĩnh vực thu thuế với HKD, vì vậy, ngành Thuế nên điện tử hóa việc nộp thuế cá nhân nhằm tiết giảm chi phí và minh bạch hóa môi trường kinh doanh. Theo đó, công tác quản lý thuế nói chung bằng công cụ tin học, điện tử hóa được đặt ra như một tất yếu và đây là một bước đột phá lớn của ngành thuế. Để có thể phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những tồn tại của công tác công nghệ tin học nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý thuế, thúc đẩy người dân chấp hành nghĩa vụ thuế và đơn giản hóa cho đối tượng nộp thuế cần phải quan tâm đến các vấn đề sau:

Thứ nhất, ưu tiên đầu tư và phát triển các hệ thống thông tin phục vụ chuyên ngành như các chương trình quản lý mã số đối tượng nộp thuế, quản lý hoá đơn, tính thuế, lập bộ và theo dõi nợ đọng, quyết toán thuế. Thực hiện nâng cấp, bảo trì hệ thống thường xuyên, hạn chế mức thấp nhất các trường hợp sai sót có thể xảy ra.

Thứ hai, ưu tiên cung cấp trang thiết bị cho các địa phương có địa giới hành chính rộng, có số thu lớn nhằm giảm bớt công việc thủ công, xây dựng hệ cơ sở dữ liệu đồng nhất, phát triển chương trình ứng dụng, từng bước phát huy hiệu quả hệ thống mạng máy tính ở từng cục thuế, chi cục thuế.

Thứ ba, cần chú trọng đến công tác đào tạo cán bộ tin học, phải tiến hành đào tạo thường xuyên và chất lượng đào tạo phải đặt lên hàng đầu nên đào tạo theo nhiều trình độ khác nhau như đào tạo các cán bộ theo trình độ cao để có thể quản lý các dự án tin học lớn trong ngành đào tạo các cán bộ quản lý và triển khai ứng dụng, đào tạo các cán bộ sử dụng chương trình ứng dụng cho các cán bộ không chuyên hiện đang làm việc ở các phòng ban khác.

Thứ tư, thực hiện nối mạng giữa cơ quan thuế với đối tượng nộp thuế và các cơ quan quản lý chức năng khác để luôn có đầy đủ những thông tin và dữ liệu cần thiết giữa chủ thể quản lý và đối tượng bị quản lý phục vụ cho công tác quản lý thuế.

Thứ năm, triển khai thực hiện Ủy nhiệm thu thuế đối với HKD nộp thuế theo phương pháp khoán. HKD có thể khai thuế điện tử và nộp thuế điện tử qua đơn vị ủy nhiệm thu bằng các hình thức như: Nộp qua dịch vụ thanh toán điện tử Bankplus của Ngân hàng, nộp qua thẻ, nộp qua internet Banking...

Kết luận chương 3

Hiện nay, Luật thuế GTGT và các chính sách thuế GTGT đã được sửa đổi, bổ sung rất nhiều cho phù hợp hơn với tình hình thực tế nhưng cùng với sự phát triển của thời đại, sự hội nhập kinh tế thế giới, HKD cũng không ngừng phát triển, cả về quy mô, số lượng... Với 1,6 triệu HKD đang hoạt động, tổng số thuế thu từ khu vực này bình quân đạt 12.362 tỷ đồng/năm, chiếm 2% tổng thu ngân sách cả nước; Mặt khác, sự đa dạng về ngành nghề, tính chất phức tạp cũng vì vậy mà tăng theo. Vì vậy, việc đảm bảo thực hiện pháp luật về thuế GTGT và quản lý thuế đối với HKD và việc đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện pháp luật thuế GTGT đối với HKD luôn cần được quan tâm đầu tư đúng mức. Qua nghiên cứu, thực trạng công tác thực hiện Luật thuế GTGT của HKD, tác giả nhận thấy cần tập trung vào một số phương hướng sau để nâng cao việc chấp hành Luật thuế GTGT cũng như thực hiện tốt, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế GTGT cụ thể như sau:

Thứ nhất, thực hiện công tác quản lý tốt đối tượng nộp thuế vì đây là khâu quan trọng đầu tiên góp phần thực hiện Luật thuế một cách hiệu quả.

Thứ hai, thực hiện quản lý tốt về căn cứ và các phương pháp tính thuế GTGT.

Thứ ba, cần ban hành khung pháp lý đủ mạnh để từng bước chuyển đổi các HKD sang phương pháp kê khai, bắt buộc sử dụng hóa đơn, chứng từ, sổ sách kế toán.

Thứ tư, xác định công tác thanh tra, kiểm là nhiệm vụ quan trọng.

Thứ năm, tăng cường công tác thu thuế, đốc thu nợ đọng thuế GTGT và thực hiện có hiệu quả công tác xử lý vi phạm.

Bên cạnh đó, có một số giải pháp cần tập trung thực hiện như:

Về tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với hộ kinh doanh; Về hoàn thiện các cơ chế, chính sách thuế; Về công tác cán bộ; Về công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành; Điện tử hóa việc nộp thuế và hiện đại công tác quản lý thuế bằng công cụ tin học.

Với các giải pháp trên, vấn đề về con người – cả cán bộ ngành thuế cũng như đối tượng nộp thuế – luôn là vấn đề trọng yếu, cần được quan tâm đặt lên hàng đầu.

KẾT LUẬN

Luật thuế GTGT đã góp phần quan trọng trong việc tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, đảm bảo công bằng trong xã hội, đồng thời còn giúp định hình một hệ thống thuế khoá Việt Nam theo hướng hiện đại. Thực hiện áp dụng Luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh, đã đem lại những thành công và một số mặt hạn chế nhất định, do đó cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể kinh doanh với cơ quan quản lý Nhà nước. Trong giai đoạn xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân thì vị trí, vai trò của chính quyền địa phương trong việc quản lý nhà nước bằng pháp luật ngày càng được tăng cường, củng cố nhằm tạo nên sự hài hòa về lợi ích giữa các chủ thể kinh doanh với lợi ích chung của toàn xã hội.

Với việc lựa chọn nghiên cứu đề tài: “***Pháp luật về thuế giá trị gia tăng đối với hộ kinh doanh tại quận Gò Vấp thành phố Hồ Chí Minh***”, tác giả mong muốn làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn đến việc thực hiện pháp luật về thuế GTGT cũng như công tác quản lý sắc thuế này tại địa bàn Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, qua đó, có thể hiểu rõ hơn về bản chất những yêu cầu, quy định của luật thuế GTGT đối với hộ kinh doanh, cũng như chỉ ra những nguyên nhân, hạn chế còn tồn tại. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất đưa ra một số giải pháp nhằm giúp đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh hiện nay, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động quản lý thuế GTGT tại địa phương. Để đạt được kết quả đưa ra từ các giải pháp, cần phải áp dụng kết hợp đồng bộ nhiều giải pháp với nhau, không chỉ hoàn thiện pháp luật quản lý thuế, pháp luật quy định các sắc thuế mà còn hoàn thiện các biện pháp, cơ chế đảm bảo thực hiện; phát huy tối đa nguồn nhân lực của ngành thuế và các tiềm năng ứng dụng công nghệ hiện đại.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Bích (2010), “*Hoàn thiện cơ chế quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể*”, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 92/2013/NĐ-CP ngày 13/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/07/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.*
3. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.*
4. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 về việc quy định chi tiết về xử phạt hành chính thuế.*
5. Bộ tài chính (2013), *Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật thuế GTGT ngày 17/1/2013.*
6. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014 sửa đổi Thông tư 156/2013/TT-BTC, 111/2013/TT-BTC, 219/2013/TT-BTC, 08/2013/TT-BTC, 85/2011/TT-BTC, 39/2014/TT-BTC và 78/2014/TT-BTC để cải cách, đơn giản thủ tục hành chính về thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.*
7. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015 hướng dẫn thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP, sửa đổi Thông tư 39/2014/TT-BTC về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ do Bộ Tài chính ban hành.*

8. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế 71/2014/QH13 và Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành*
9. Chính phủ (2008), *Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận – huyện.*
10. Chính phủ (2009), *Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.*
11. Chính phủ (2010), *Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 về đăng ký doanh nghiệp.*
12. Chính Phủ (2010), *Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp*
13. Chính phủ (2013), *Nghị định 92/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2013 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/07/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.*
14. Chính phủ (2013), *Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.*
15. Chính phủ (2014), *Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.*

16. Chính phủ (2014), *Nghị định 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 sửa đổi các Nghị định quy định về thuế.*
17. Chính phủ (2016), *Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế.*
18. Ngô Huy Cương (2009), *Phân tích pháp luật về hộ kinh doanh để tìm ra các bất cập*, Tạp chí khoa học ĐHQGHN (số 58, trang 27)
19. Ngô Huy Cương và Phạm Thị Hương Giang (2012), “*Suy nghĩ về việc sửa đổi Luật Quản lý thuế 2006*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp (số 10, trang 17)
20. Hội đồng Bộ trưởng (1988), *Nghị định số 27-HĐBT ngày 09 tháng 3 năm 1988 ban hành bản quy định về chính sách đối với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp xây dựng, vận tải.*
21. Hội đồng Bộ trưởng (1992), *Nghị định số 66-HĐBT ngày 02 tháng 3 năm 1992 về cá nhân và nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định quy định trong Nghị định số 221-HĐBT ngày 23 tháng 7 năm 1991.*
22. Nguyễn Thị Khế và Bùi Thị Khuyên (1999), *Luật kinh doanh*, Nhà xuất bản thống kê.
23. Phạm Duy Nghĩa (2006), *Giáo trình luật kinh tế-Tập 1: Luật doanh nghiệp, Tình huống- Phân tích-Bình luận*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
24. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
25. Quốc hội (1990), *Luật Công ty*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
26. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
27. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

28. Quốc hội (2014), *Luật số 71/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014 của Quốc hội khoá XIII sửa đổi các Luật về thuế 2014*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
29. Quốc hội (2016), *Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/04/2016 của Quốc Hội khóa XIII sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng; Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
30. Quốc hội (2008), *Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
31. Quốc hội (2013), *Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
32. Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh (2005), *Công văn số 38/SNV ngày 19 tháng 01 năm 2005 của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận – huyện*.
33. Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh (2008), *Hướng dẫn số 441/HD-SNV ngày 27 tháng 5 năm 2008 về việc thực hiện Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận – huyện*.
34. Tạ Văn Thành (2004), *Vướng mắc về hoàn thuế GTGT đối với cá nhân, hộ kinh doanh cá thể*, Thời báo Tài chính ngày 02/6/2004.
35. Thủ tướng chính phủ (2011), *Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 – 2020*.
36. Nguyễn Thị Thủy (2012), *Giáo trình Luật thuế*, Nhà xuất bản Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam
37. Tổng cục thống kê (2012), *Kết quả tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp*, NXB Thống kê.

38. Tổng Cục thuế (2010), *Quyết định số 504/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các Đội thuộc Chi Cục thuế.*
39. Tổng Cục thuế (2012), *Quyết định số 2248/QĐ-TCT ngày 28/12/2012 về việc ban hành quy trình quản lý thuế đối với hộ kinh doanh.*
40. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2000), *Chỉ thị số 22/2000/CT-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2000 về việc triển khai công tác quản lý nhà nước sau đăng ký kinh doanh đối với các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể hoạt động theo Luật Doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh.*
41. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2007), *Chỉ thị số 19/2007/CT-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2007 về thực hiện các giải pháp kéo giảm tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố.*
42. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2015 về bãi bỏ văn bản.*
43. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp thành phố Hồ Chí Minh (2006), *Quyết định số 01/2006/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2006 về ban hành qui chế phân công quản lý cho Ủy ban nhân dân phường.*
44. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Quyết định số 6692/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2012 về ban hành quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đăng ký kinh doanh.*
45. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- văn hóa- xã hội 5 năm (2011-2015); phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp 5 năm (2016-2020).*
46. Báo Sài Gòn Giải Phóng, *Cơ quan thuế trả lời về thuế khoán đối với hộ kinh doanh ngày 19/11/2015.* <http://www.sggp.org.vn/giaoluustructureuyen/2015/11/403237/>, ngày cập nhật 19/11/2015.

47. Hương Ly, “*Quản lý thuế với hộ kinh doanh: chi phí lớn, hiệu quả chưa cao*”, <http://hanoimoi.com.vn/kinh-te/588748/quan-ly-thue-voi-ho-kinh-doanh-chi-phi-lon-hieu-qua-chua-cao>, ngày cập nhật 27/2/2015.
48. Tin tức pháp luật, *Nhiều biện pháp giảm nợ đọng thuế trong năm 2014*, ngày 03/03/2014. Báo pháp luật <http://thuvienphapluat.vn/tintuc/vn/thoi-su-phap-luat/thoi-su/6526/nhieu-bien-phap-giam-no-dong-thue-trong-na2014?attempt=1>. ngày cập nhật 18/6/2014.